



# Làng Hồng

Xóm Hạ  
Meyrac, Lourdes Bernac  
47120 Durac

LÁ THƯ THỨ TÁM  
18.12.1986

Chơn Lê Lê Nguyên Thiều viết

Tôi xin trình bày sơ lược sinh hoạt ở Làng Hồng mùa Hạ 1986 cho quý vị dân làng không có dịp về tu học năm nay.

Có 396 người về tham dự khóa tu, trong số đó, thiên sinh ngoại quốc (phần lớn từ Âu Châu và Mỹ Châu) chiếm đến một phần ba. Thiên sinh lớn tuổi nhất là bà Diệu Kim, năm nay 87 tuổi, ở tại phòng Mực Tím trong Cư Xá Tùng Bút Xóm Hạ. Thiên sinh nhỏ tuổi nhất vẫn là Bé Trúc, năm nay được bốn tuổi rưỡi, đi theo cùng với mẹ ở tại phòng Hoa Cúc trong Cư Xá Đồi Mận, Xóm Hạ.

Về cơ sở, năm nay Xóm Hạ có thêm một mái chường do chú Ân dựng nên. Mái lợp ngói âm dương, rêu phong, cũ kỹ bên cạnh lùm trúc xanh um ở trước nhà Phụng Vĩ. Bên hông nhà này còn có thêm Hiên Nắng Ngọt với mái sậy lấm cho nắng dịu lại nơi rửa chén bát trong quán niệm sau mỗi bữa ăn. Hiên đó các chú Ân, Dũng, Nhân và Tuấn dựng lên bằng cây đôn trong rừng của Làng. Dọc theo Hiên Nắng Ngọt chúng ta thấy có hàng dây bầu mà chú Nhân trồng và chăm bón đã diềm hoa trắng trên tầng lá xanh mượt. Những cái dọt chia ra tua tủa, môn môn và bụ bẫm. Lô bánh mì do anh Chơn Niệm (Robert Naess) khởi xướng trồng tu, được khánh thành vào cuối mùa tu học năm 1985, nay đã cho ra bánh mì đều đều mỗi hai ngày. Buổi sáng, dân làng ở cả hai xóm được diềm tâm bằng bánh mì lúc do các thiên sinh ngoại quốc tự làm lấy tại lò nhà. Ngoài ra Xóm Hạ còn có Đại Thọ Đường dành cho những buổi Pháp thoại chung của hai Xóm. Đại Thọ Đường tọa lạc trước Quán Cây Sồi, đã được dựng lên từ 200 năm trước, cột to cả hai người ôm và mái xanh rợp trong mùa hè, thỉnh thoảng reo vui cùng với gió. Các năm trước, nơi đây chỉ có một chiếc võng hẻo hẻo buổi trưa.

Tại Xóm Thượng, các chú Ân, Dũng, Nhân, Tuấn cùng với bác Casanova đã chữa phòng Hoa Gạo, vốn là nơi chứa củi, thân nhà bếp và phòng ăn rộng rãi. Nhà bếp cũ được tu bổ lại thành một phòng tiếp khách khang trang có lát đá hoa trắng và trước Cư Xá Hồ Đào lại có thêm một mái hiên được gọi là Hiên Mây. Hiên dùng làm thêm phòng ăn và nơi sinh hoạt cho thiếu nhi.

Phần lớn thiên sinh ngoại quốc tập trung ở Xóm Thượng. Vì thiếu phòng xá, họ đã dựng lều rất rác ở hướng từ các phòng Trắng Non và Tre La Ngà nhìn ra. Ngoài ra, có khoảng bảy nam thiên sinh ngoại quốc xin phép được nằm trên đống trong nhà cũ cũ, xưa nay vẫn dùng làm nơi chứa củi.

Về phần tu học, vị trí chung tại xóm Hạ năm nay không phải là bác Huệ Đạo với vóc dáng đạo mạo mà từ nhà trong chiếc áo trắng màu khói hương như các năm trước mà là cô bé Thanh Trang, 15 tuổi, từ Thụy Sĩ sang. Bé đã thủ chung suốt tháng và làm việc rất nghiêm túc. Buổi sáng, đúng 6 giờ 30, bé thỉnh ba tiếng chuông ở trước nhà Phụng Vĩ rồi đi đánh thức từng phòng trong Cư Xá Tùng Bút và Cư Xá Đồi Mận bằng chiếc khánh nhỏ. Cứ đúng mỗi đầu giờ, bé thỉnh chuông cảnh tỉnh và trong ngày, bé thỉnh chuông sinh hoạt. Cứ thế, đều đặn, suốt ngày, suốt tháng.

"Ba nghiệp lắng thanh tịnh  
Gửi lòng theo tiếng chuông  
Nguyễn người nghe tĩnh thức  
Vượt thoát nẻo đau buồn".

Tôi nghĩ bé còn gửi theo tiếng chuông cái vẻ xinh đẹp, cái dáng trang nhã, cái nét dịu dàng và nếp sống cố gắng chịu đựng khổ của một cô bé Việt Nam. Trong chương trình tu học năm nay, tại Xóm Thượng, Thầy, với đạo đức vô hành, giữ một đầu dây mực và cô bé tri chung này giữ đầu dây mực kia. Vị trí chung Xóm Thượng là anh Nguyễn Văn Ân, cũng làm việc trong cùng một cách thế. Ngoài vị trí chung, ở thiên đường mỗi xóm đều có một vị Giám Niệm trong giờ thiền tọa để giúp đỡ thiên sinh về nhiều phương diện.

Các buổi thiền tọa chung, năm nay được thay đổi như sau: buổi sáng từ 7 giờ, thiền tọa 16 phút, kinh hành một vòng, thiền tọa lần thứ hai 16 phút, kinh hành một vòng rồi ngồi lại tụng Tâm Kinh. Thiếu nhi từ 12 tuổi trở xuống được phép không tham dự nên khối phải thức dậy sớm. Buổi chiều, từ 5 giờ 30, hai lần ngồi thiền xen với hai vòng kinh hành. Buổi tối từ 9 giờ 30 cũng hai lần ngồi thiền xen với hai vòng kinh hành. Cả hai buổi thiền tọa chiều và tối, thiếu nhi có thể lắng lẽ rồi khỏi thiền đường sau vòng kinh hành đầu tiên. Cách thiền tọa xen với kinh hành này có thể phù hợp với mọi lứa tuổi. Về nội dung, phẩm có thể luôn luôn được quý hơn lượng. Trong bước đầu tu tập, nếu chánh niệm được duy trì liên tục trong vòng trên dưới 15 phút thì đã quý lắm rồi. Nếu lỡ thất niệm đôi lần trong đợt đầu, ta có cơ hội thực hiện chánh niệm liên tục trong đợt sau. Giây phút an tĩnh là giây phút sống, giây phút vĩnh cửu. Ngoài ra, thiền đường luôn luôn dành sẵn cho những thiên sinh muốn thiền tọa thêm, ngoài giờ ấn định.

Giờ thiền hành chung bắt đầu từ 9 giờ 30 sáng. Năm nay, các thiên lộ đã được chú Nhân chuẩn bị từ mùa Đông nên quang đãng và bằng phẳng hơn các năm trước. Thiên sinh có thể đi thiền hành riêng bất cứ lúc nào, nếu có thì giờ. Chẳng hạn buổi sáng trước giờ thiền tọa hay buổi chiều sau giờ dùng cơm. Trong các năm trước, mỗi tuần chỉ có ba buổi dùng cơm trong quán niệm. Năm nay, tất cả các bữa ăn đều diễn ra trong quán niệm. Quán niệm từ lúc nghe chuông báo giờ ăn cho đến lúc tự rửa xong chén bát phần mình.

Giờ Pháp thoại được ấn định chung từ 10 g 30 đến 12 giờ 30. Mỗi tuần có ba buổi Pháp thoại quốc ngữ ở Xóm Hạ, một buổi Pháp thoại bằng Anh ngữ và một buổi bằng Pháp ngữ ở Xóm Thượng. Các chị Chơn Không, Chơn Tuyên, Chơn Định và anh Chơn Phong thay phiên dịch trực tiếp ra tiếng Anh, tiếng Pháp



cho thi sinh ngoại quốc, hay tiếng Việt cho thi sinh Việt Nam trong các Pháp thoại bằng ngoại ngữ.

Ngoài các Pháp thoại do thầy chủ trì kể trên, năm nay còn có ba Pháp thoại đặc biệt khác. Pháp thoại đầu bằng quốc ngữ, do anh Chân Phong Trần Đức Minh nói với đề tài "Nụ Cười Trong Thiên Quán" Pháp thoại thứ nhì bằng Anh ngữ, do chị Chân Sắc Judith Bossert (người Hòa Lan) nói với đề tài "Sự nhiệm mầu của giây phút hiện tại" và Pháp thoại thứ ba do anh Chân Thuyền Đỗ Trọng Lễ nói với đề tài "Tính chất thiền trong thi ca thời Lý Trần". Các anh Chân Phong, Chân Thuyền và chị Chân Sắc đều thuộc Chúng Chủ Trì đồng tu Tiếp Hiện.

Buổi cơm trưa bắt đầu từ 12 giờ 30. Dân Làng hai Xóm có dịp ăn trưa chung vào các ngày Chủ Nhật tại Đại Thọ Đường, thứ Năm tại Pháp thân tạng xóm Thượng, và ăn sáng chung vào sáng thứ tư ở nhà Phương Vĩ, Xóm Hạ. Riêng buổi cơm trưa ở Pháp thân tạng, dân làng hai xóm có thể vừa ăn vừa chuyện trò giữa cánh tri thiên nhiên. Có cây chen lẫn với đá núi rêu phong, tầng lá xanh rợp mát bên trên đã đẩy lui cái nóng oi ả giữa trưa hè. Quán cóc mở cửa sau đó tại Quán Cây Đề Xóm Thượng và hai lần nữa trong tuần ở quán Cây Sồi Xóm Hạ, từ 14 giờ đến 15 giờ. Tại hai quán này, chúng ta có thể được nghe lại những tiếng rao hàng lảnh lót như vang từ đầu xóm hay trong ngõ hẻm ở quê nhà và có thể mua được những thứ quà mà ta rất thích hồi thời niên thiếu như bánh cam, me ngào, sừng xa hộp lựu, đậu đỏ bánh lọt, chè đậu-xanh-bột-khoai-nước-dừa-đường-cát, bánh lọt, bánh bò, bánh bao, bánh rán... Tiền lời thu được từ hai quán cóc ấy được sung vào quỹ giúp trẻ em đói tại quê nhà.

Buổi chiều từ 3 đến 5 giờ là giờ thiền trà: tiếp nối một truyền thống tao nhã của tổ tiên, đồng thời áp dụng thiền quán thêm vào trong đời sống hằng ngày. Sống giữa xã hội quay cuồng vật lộn này, chúng ta vẫn biết "thời giờ là tiền bạc" nhưng chúng ta cũng vẫn dám dành thì giờ để "thờ cho an nhiên, ngồi cho vững vàng". Cái sự kiện chúng ta, những người Việt Nam tú xít gập gối nhau ở đây, còn có thể quá quần đối diện nhau trong niềm thông cảm hài hòa không là điều đáng quý sao? Rồi một chung trà, bước từng bước kính cẩn dâng lên tổ tiên. Con cháu có an lạc thì ông bà mới ngậm cười, thanh thoát. Trà được pha trong chánh niệm, được mời trong chánh niệm, đón nhận trong chánh niệm. Nâng chén trà như là nâng sự sống viên mãn trong hai tay, hộp một ngụm trà nóng hương vị ngọt ngào như là tiếp xúc với thực tại nhiệm mầu... "Thị chú pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm..." Ngày chủ nhật có thiền trà chung của hai xóm tại Đại Thọ Đường Xóm Hạ. Thiền trà ngày thứ tư, thứ sáu dành cho Xóm Thượng được tổ chức tại Phật đường Trúc Lâm và thiền trà thứ năm, thứ bảy dành cho dân Xóm Hạ tại Trà Xá hay thiền đường Nền Hồng. Thiếu nhi cả hai xóm có buổi thiền trà riêng vào chiều thứ hai gọi là "Thiền Nước Chanh" do các em tự lo lấy. Thường các em tổ chức tại thiền đường Nền Hồng, cử hành nghi thức thiền trà như của người lớn, tự thay nhau làm trà chủ, trà giả nghiêm túc như người lớn. Thường các em chỉ mời một vài người lớn mà các em rất thích vì có đủ khả năng đóng góp cho thiền trà các em có thêm thiền vị: những vị đó thường

là Sư Ông (để kể chuyện đời xưa), chú Hoàng Quốc Bảo nhạc sĩ (để dạy các em hát mấy bài kệ của Sư Ông mà chú vừa phổ nhạc), cô Trinh (để đàn tranh) và chị Mai Nguyễn Phương... Bé Hoàng Thảo, 12 tuổi, từ Thụy Sĩ đến, đã chủ tọa một buổi thiền trà gồm cả 40 người lớn và thiếu nhi tại thiền đường Yên Tử và bé đã làm rất xuất sắc.

Buổi tụng giới hằng tuần từ 7 giờ sáng thứ tư tại thiền đường Nền Hồng có dân làng cả hai Xóm tham dự. Phần đầu dành cho thiếu nhi và phần sau cho người lớn. Thiếu nhi được nhắc lại Ba Sự Quay Về Nương Tựa và hai Lời Hứa. Ngày tụng giới là ngày trọng đại của các em. Con trai mặc áo dài xanh, quần trắng và các bé gái mặc áo dài đủ các màu tung tăng như những cánh bướm trước khi vào thiền đường. Lễ tụng giới của người lớn rất đơn giản nhưng trang nghiêm. Đại chúng ngồi yên lặng, lắng nghe tụng giới một do một vị được chỉ định thuyết giới... "Giới Tiếp Hiện là bản chất của Dòng Tu Tiếp Hiện, là bố được soi đường, là thầy hướng dẫn..." Dòng tu này được hình thành từ năm 1960 tại quê nhà. Mười bốn giới Tiếp Hiện rút từ tinh thần nhập thế của đạo Phật, trình bày bằng ngôn ngữ của thời đại, phù hợp với nhu cầu tự cứu của thế giới đang lâm vào tình trạng chới vơi, vật vờ của cơn bão sóng thần ý thức hệ và nên vẫn mình tự hủy diệt của mình. Đến nay, dòng tu Tiếp Hiện đã cắm rễ mạnh mẽ ở quê nhà cũng như ở Âu Châu và Mỹ Châu. Lễ tụng giới Tiếp Hiện bằng Anh ngữ vào sáng thứ hai và bằng Pháp ngữ vào sáng thứ sáu tại thiền đường Yên Tử, xóm Thượng. Các thi sinh ngoại quốc đã xướng danh hiệu Phật, tụng bài Khai Kinh, Tâm Kinh Bát Nhã và Hồi hướng bằng ngôn ngữ Anh hay Pháp của họ.

Mùa Hạ năm nay có 9 thi sinh thy giới Tiếp Hiện. Các anh Nguyễn Văn Giác, Jean Pierre Roussel và chị Lưu Suối Hà thọ giới vào 7 giờ sáng thứ bảy ngày 26.07.1986. Các anh Nguyễn Văn Ân, Marlow Sutton Hotchkiss và các chị Nguyễn thị Bích Thủy, Joan Squire Halifax, Cynthia Jurs Hotchkiss và Annabel Latty thọ giới vào 7 giờ sáng ngày thứ tư 06.08.1986. Cả hai buổi lễ đều được cử hành tại thiền đường Nền Hồng.

Thiếu nhi hai xóm đã rước đèn Trung Thu vào đêm trăng tròn, thứ hai 21.07.1986. Con đường thiền hành Xóm Thượng sáng rực lên bởi các lồng đèn bánh ú, con cá, con bướm, ngôi sao... nhiều màu lung linh lạo các em và các cô chú tự làm lấy trước đó. Cũng với những ánh mắt rạng rỡ và lời ca vang động núi rừng. Người lớn vui theo niềm vui của con cháu. Sau đó các em nhóm lửa trại, ăn bánh mít, ca, múa và diễn kịch đến nửa đêm. Càng về khuya, trăng càng to. Nền trời cao, xanh và như rộng thêm ra. Vả khúc Trăng Mùng Luông do các em gái bên Thụy Sĩ sáng thứ xướng rất được tán thưởng. Kịch "Lê Lai liêu mình cứu Chúa" độc đáo ở khúc Lê Lai giả phóng mình lên ngựa. Ý nghĩa nhất là màn kịch "Trên đường về nhà" thật cảm động. - nhà ở đây được hiểu là quê nhà Việt Nam. - do anh Thành sáng tác và hai bố con anh đồng diễn.

Một buổi trình diễn cắm hoa được tổ chức tại thiền đường Nền Hồng lúc 3 giờ chiều thứ Năm 24.07. Phần đầu, thầy nói về nguyên tắc Bát Nhị trong trường phái Bát Nhị (đã viết qua trong Lá Thư thứ 7)... Phần sau, chị Sao (từ Bordeaux lên) cắm những lọ



hoa làm mẫu rồi các em lần lượt từ cầm lấy dưới sự hướng dẫn của Chị. Sau đó mấy ngày, tôi còn thấy các em bê chăm chú cầm từng lọ hoa. Thời thì bao nhiêu chai, lọ, bình to, ly bé, hộp nhựa, lon thiết bị đầy la liệt. Bàn nào cũng có hoa, thiên hình vạn trạng!

Lễ Bông Hồng Cài Áo tổ chức vào 8 giờ lễ thứ bảy 25.07.1986. Bé Thơ dẫn tranh, chị Chân Không hát, anh Jean Pierre thổi sáo, anh Jose đàn vĩ cầm để cúng dường. Năm nay có nhiều dân làng Loubès người Pháp tham dự lễ này. Chị Marie Thé Mainguy và hai mẹ con chị trưởng chi Bưu Điện Loubès cũ nhắc hoài buổi lễ thật đẹp và thật cảm động đối với họ.

Lễ Cầu Nguyên cho thuyền nhân đăm thuyền được siêu sanh và cho nạn nhân bom nguyên tử ở Hiroshima được tổ chức vào 8 giờ lễ ngày 6.8.86. Phân đầu tại thiên đường Nền Hồng: trình bày thảm cảnh và khổ nạn của thuyền nhân và nạn nhân nguyên tử để thấp sáng ý thức hiện tại; phân sau, mỗi người cầm một hoa sen (làm bằng giấy) có thấp ngọn nên nhỏ, thiên hành theo thiên lộ Xóm Hạ trong tiếng niệm bồ tát Quan Thế Âm. Đoàn người đi đến hồ nước, tính tâm cầu nguyện rồi thả đèn xuống đó. Mặt hồ đen, ánh đèn đỏ phản chiếu lung linh chập chờn theo hơi thở của rừng đêm. Linh hồn đồng bào nạn nhân như kết tụ trong ánh lửa dập lò trên mặt nước cảnh đường.

Lễ Cúng Gia Tiên cử hành lúc 11 giờ 30 Chủ Nhật ngày 10.08.86 tại nhà Phương Vi. Chiều thứ bảy dân làng hai xóm rộn rịp chuẩn bị ngày giỗ cho đến khuya. Kế dọn dẹp phòng xá, trang hoàng bàn thờ, người lo mâm cỗ, bàn linh môn này thức nọ. Lại còn chuyện Bánh Chung, thay phiên nhau canh lửa thêu đêm. Mọi người vừa làm vừa kể lại kỷ niệm lúc ông bà còn sanh tiền cho các cháu bé phụ việc vây quanh. Vào giờ hành lễ, mọi người tề tựu trước bàn thờ tổ tiên: các bé trai sừng sừng trong chiếc áo dài xanh đứng bên trái, phía trước các chú, bác trai; các bé gái tha thướt trong chiếc áo dài màu đứng bên phải, phía trước các chị, các cô, dì và bác gái. Thầy nói đến ý nghĩa ngày giỗ ông bà. Thầy giảng giải các bức hoành phi, liễn đối ở bàn thờ, thế nào là "âm hà tử nguyên", "sơn cao mạc trạng sinh thành đức, hải khoát nan thù cực dục ân" có nghĩa gì. Bốn phận con cháu đối với sự nghiệp dựng nước, giữ nước của tổ tiên trong hiện tại là sống ra sao, làm gì cho mình, cho con cháu mình, cho đồng bào mình đang "du học" trên khắp thế giới. Trước giờ hành lễ mọi người lần lượt kính cẩn ghi tên ông bà tổ tiên mình lên linh vị trước bàn thờ. Thiên sinh ngoại quốc cũng được học tập cần kẻ thiên quán về tổ tiên với mình là một, về ngày cúng giỗ gia tiên thì nên tổ chức ra sao, nên ngay từ hôm trước họ cũng đã bàn nhau chuẩn bị các món ăn truyền thống của các nước Âu Châu và đến giờ ghi tên ông bà cha mẹ đã quá cố họ cũng đứng sấp hàng cho đến phiên mình lên ghi tên người thân một cách kính cẩn. Anh Cả thay mặt dân làng đứng ra hành lễ theo nghi thức cổ truyền, dâng hương, đọc văn tế, liễn trà... Sau đó mọi người lần lượt ra lễ ông bà, nam lễ đứng, nữ lễ ngồi; thiếu nhi lễ trước rồi mới đến người lớn. Các thiên sinh ngoại quốc cũng nghiêm túc lạy ông bà như có mặt tổ tiên họ ngay trên bàn thờ.

"Con cháu ở đâu thì ông bà ở đó. Con cháu có an lạc thì ông bà mới an lạc."

Buổi giỗ xong, mọi người quây quần dùng cơm trong phòng Phương Vi, bây giờ có dáng dấp một ngôi Từ Đường chung.

Lớp học thiếu nhi năm nay được định từ 10g 30 sáng và 3 giờ chiều trở đi trong phần sinh hoạt riêng của người lớn. Các cô Hà (Lyon), Diễm Thanh, Đoàn Trang, Giao Trinh (Paris), Bích Thủy (San Francisco), Mai Nguyễn Phương, Mai N. Lan (Paris), Chung thị Lan (Gia Nã Đại)... và các chú Thu, Vinh, Minh (Paris), Thành, Tuấn, Đức (Suisse), Giao (Hòa Lan) thay phiên nhau hướng dẫn về Thần Thoại, cổ tích, ca dao, tục ngữ, dân ca, bài hát, Sứ ký, Địa dư, thắng cảnh, phong tục, quốc văn, trò chơi, câu đố... Các em đã chăm cùi, miệt mài, ráo riết học những môn ghi trong thi trình Văn Hóa Việt Nam như đã thông báo trong Lá Thư Thứ Bảy. Một cháu gái nghe chuông báo thức đã đọc thi kệ nghe chuông trong lúc chưa tỉnh ngủ hẳn:

"Lắng lòng nghe, lắng lòng nghe  
tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương!"

thay vì:

"Lắng lòng nghe, lắng lòng nghe  
tiếng chuông huyền diệu đưa về nhất tâm"

Các em vừa học vừa thi. Thi xong môn này đi học tiếp môn khác để thi. Thôi thi đủ cách: học trong lớp có cô chú hướng dẫn, học lớn trong câu chuyện của người lớn, học mảnh, học tú, học ngay khi bạn mình đang thi trước mặt giám khảo rồi chạy xin thi với một giám khảo khác... Chưa có mùa hè nào từ trước mà thiếu nhi lại tỏ ra chăm học đến thế. Các em học tú trước khi Lắng mơ của cho đến trưa ngày 14 tháng 8, 1986. Càng gần ngày phát phần thưởng các em càng nôn nao học rút!

Có ba lần phát phần thưởng cho cuộc thi Văn Hóa Việt Nam của thiếu nhi. Lần đầu lúc 8 giờ tối thứ sáu ngày 1.08.1986. Lần thứ nhì vào 8 giờ lễ ngày thứ năm 7.08.1986 và lần chót vào lúc 15 giờ thứ năm ngày 14.08.1986.

Phần Văn Nghệ Thiếu Nhi năm nay được ấn định vào các tối chủ nhật và thứ năm. Các chú Minh, Thu, Tuấn (Làng Hồng), Thành, Dũng (Suisse) và gia đình Phật tử Linh Phong Suisse, anh Khanh (Calif)... và các chị Đoàn Trang, Đoàn Sĩ Lan Hương, Hoàng Oanh, Hoàng Thủy, Thanh Thủy, Thu Hồng... thay nhau hướng dẫn các em. Các mục trình diễn bị ảnh hưởng cuộc thi Văn Hóa Việt Nam khá nhiều. Bé Nhật Hiền biệt danh là bé Ti (5 tuổi) trình diễn nhiều ca dao trong thi trình, rất xuất sắc. Các vở kịch thường được dùng từ những dữ kiện lịch sử các thiếu nhi cần phải biết như Thiên tướng Ngựa Sắt, Lễ Lai liêu mình cứu chúa, Trần Bình Trọng..., từ các truyện cổ tích điển hình như Trọng Thủy Mỵ Châu, Sơn Tinh Thủy Tinh. Mãn kịch Phù Đổng Thiên Vương được khán giả tán thưởng nồng nhiệt là do một thiếu nhi (bé Thục Hạnh) viết tưởng và đạo diễn.

Mùa tu học 1986 chấm dứt vào buổi cơm chiều thứ sáu, ngày 15.08.1986 trong niềm phấn khởi và niềm về luyến tiếc của toàn thể.

Thầy đã mời chị Chân Đức Annabel Laity ở lại Làng làm chúng trưởng việc tu học cho anh em ở Cù Xá Tùng Bút và tổ chức những lớp học đêm cho mọi người.

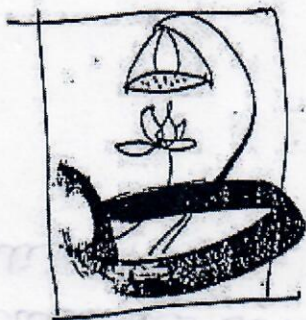
3



Cư Xá Tùng Bút cũng có thêm hai dân làng mới là anh Bùi Quang Vinh và anh Nguyễn Ngọc Tuấn. Một Ủy Ban giúp trẻ em thiếu ăn tại quê nhà được thành lập do quý anh trong Cư Xá Tùng Bút phụ trách.

Chi Elin cũng xin được ở lại Xóm Thượng để chăm sóc thiền đường Yên Tử, Phật đường Trúc Lâm và vườn rau khi chị Chân Không đi vắng.

Tôi đang viết những dòng này khi những trái bầu xanh non vừa to vừa ngọt ở Hiền Năng Ngọt đang tiếp tục cho rất nhiều trái. Tôi xin gửi đến mỗi vị một chén canh bầu ngọt lịm mùi quê hương.



### SƠ LƯỢC VỀ NHỮNG KHÓA TU HỌC Ở ÚC DO THẦY HƯỚNG DẪN TỪ CUỐI THÁNG 9 ĐẾN CUỐI THÁNG 11 1986

#### Tiểu Bang Queensland

Ngày 26.9.1986, tối Brisbane buổi sáng thì tôi thấy đã phải giảng tại Thiền đường Trung Tâm của Cộng Đồng cho khoảng 200 đồng bào. Chiều 27, mở đầu khóa tu hai ngày tại chùa Oxley do Đại Đức Nhật Tân trụ trì. Ngày chủ nhật 28.9.1986 thay dạy cho thiếu nhi Phật tử cả ngày tại Công Viên Brisbane. Các em được nghe chuyện Công Chúa Lý Chiêu Thánh dưới một rừng tre vàng. Buổi nói chuyện này được thu hình..

Tối thứ tư ngày 1.10.1986, thầy giảng tại chùa Darra do ông Nguyễn Việt Trung làm hội trưởng. Đề tài bài giảng là Văn Hóa Dân Tộc và sự kết hợp giữa những người đồng bào, cố Đại Đức Nhật Tân và Kim Lewis. Chủ tịch các Cộng đồng Phật giáo tại Queensland tham dự. Mặc dù chỉ nghe được nội dung bài giảng qua sự thông dịch của tôi, Kim cứ nức nở khen mãi nội dung hòa giải của bài pháp thoại này. Có một cặp vợ chồng trẻ từ Việt Nam mới qua cho biết là họ đã được đọc sách Trái Tim Mặt Trời của thầy tại Việt Nam, bèn chép tay. Được biết nhiều cô gái Việt, tối hôm ấy nghe giảng xong, về mở rương lục áo dài ra mặc trở lại.

Chiều thứ năm ( 2/10/86) thầy giảng cho khoảng 50 thiền sinh Úc tại Brisban Zen Center. Thứ sáu 3/10 thầy lên chùa Tây Tang trên núi để hướng dẫn một khóa tu cho người Úc, có 46 người tham dự. Chùa nằm trên đỉnh núi cao rất đẹp. Khóa tu do Kim Lewis tổ chức. Có thiền sinh từ Tân Tây Lan qua tham dự.

#### Tiểu Bang New South Wales

Ngày 7/10/86 thầy đi Bodhi Farm, một vùng núi rất đẹp gần Lismore ở cực bắc tiểu bang N.S.W. Subbhana, Gai

và lan chủ trương khóa tu này. Về nguyên sơ của rừng núi còn được bảo vệ. Bodhi Farm có 12 ngôi nhà rải rác trong một vùng thung lũng phì nhiêu, có đủ các loại cây: xoài, vải, avocado, ngọc lan, bông giấy, đu đủ, cam, chanh, chuối, tre vàng chỉ xanh; lan móng bò hoa tím rực rỡ, hoa đại thơm lừng...Thiền đường rất đẹp nhưng hơi nhỏ nên thầy đề nghị sử dụng nhà cộng đồng mới xây cất xong. Khóa tu này có tới 50 người tham dự. Họ đã phải từ chối khoảng 60 người vì thiếu chỗ. Khóa tu kéo dài 6 ngày, có thiếu nhi tham dự rất đông. Có 1 thiền sinh Việt Nam là Thu tham dự. Đây là khóa tu thứ ba của thầy mà Thu tham dự. Từ khi hay tin thầy sang Úc, Thu đã xin phép nghỉ hai tuần để có thể theo dự 3 khóa tu liên tiếp: 1 dành cho người Việt và 2 dành cho người Úc. Nhờ có Thu mà thiền sinh Úc lần đầu tiên được nếm hương vị canh đu đủ hầm với tàu hủ và gói đu đủ trộn rau thơm, đậu phộng. Thiếu nhi tại đây rất thích thiền trà và vì cha mẹ chúng phần đông là văn nghệ sĩ nên chúng trình diễn văn nghệ rất xuất sắc. Một bài hát Quay Về Nương Tựa được sáng tác bằng tiếng Anh ngay trong khóa tu để người lớn và thiếu nhi cùng hát. Buổi tụng giới cho thiếu nhi và người lớn rất đẹp và trang nghiêm. Hoa rừng được dâng đầy trên bàn thờ Phật và được cài trên áo và trên tóc rất nhiều người. Sự thành công của khóa tu này được loan truyền rất nhanh trong vòng hai hôm đến mọi nơi trên đất Úc. Chấm dứt khóa tu là một pháp thoại cho người Úc tổ chức tại The Channon. Buổi pháp thoại rất đầm ấm và đem lại thành công lớn. Hầu hết là người Úc trẻ tuổi tới nghe.

Trước giờ pháp thoại, thầy có ghé và làm lễ khánh thành cho thiền đường trung tâm Dharmānanda trong vùng The Channon, không xa Bodhi Farm. Thầy có để lại cho cộng đồng Bodhi Farm năm chữ đại tự: Bồ đề bất đa thọ. Tại nông trại Bodhi này, rất nhiều cây đại thọ được duy trì và chăm sóc.

Thứ ba 14/10/86 thầy và tôi tới Sydney bằng máy bay và về ngay chùa Phước Huệ. Đi đón thầy có Hòa Thượng Tác Phước; thầy Minh Lâm, chị Thân Bạch Mai, người phụ trách khóa tu ở chùa Buddhahamma trên núi, anh Hoàng Khôi, người phụ trách khóa tu ở chùa Pháp Bảo, Gillian và Tony Coote phụ trách khóa tu cho người Úc ở Buradoo và nhiều bạn bè khác.

Ngày 17/10/86 bắt đầu khóa tu cho người Việt ở chùa Buddhahamma trên núi. Vị chủ trì chùa này là đại đức Khantipalo người Anh, hiện đang đi giảng ở Tân Tây Lan. Thiền đường xây cất rất đơn sơ mà trang nghiêm, tọa lạc giữa rừng với nhiều cây đại thọ. Chim chóc cũng rất nhiều và cũng hót ca ríu rít quanh thiền đường như hồi ở Bodhi Farm. Có 50 thiền sinh Việt Nam tham dự và khoảng sáu thiền Úc dự thỉnh. Ngồi thiền hôm nào cũng là một niềm vui lớn giữa tiếng gió, tiếng chim và ánh nắng ban mai thật mâu nhiệm. Mùa xuân hoa nở đầy rừng. Đường thiền hành cát trắng mịn. Các pháp thoại đều được thu hình. Pháp thoại về Tướng Lai Văn Hóa Việt Nam chấm dứt khóa tu. Lễ "Mãn Khóa" là một cuộc du ngoạn lên tận đỉnh núi đá cao bên hông tu viện. Ngồi trên mỏm đá thầy có giảng sơ về sự bất sinh bất diệt của bé Tháo. Mọi người đọc thơ thiền và hát mấy bài thơ do thầy phổ nhạc...Gió, nắng và tiếng chim ríu rít đã làm nhạc đệm cho câu chuyện trên núi đá này.



Ngày 23/10/86 bắt đầu khóa tu cho người Úc vùng Sydney, tổ chức tại Burradoo ở công viên Kerever trong một nữ tu viên Công Giáo. Tony và Gillian Coote cùng nhóm thiện Sydney tổ chức khóa tu này. Thiện sinh đóng 157 Úc kim cho khóa tu 5 ngày. Có 4 bà sơ Công giáo ghi tên tham dự từ đầu đến cuối và cũng có ba bốn vị nữa xin dự pháp thoại và thiền trà. Khóa tu thành công lắm. Một trong những bài kệ kiên giải hay nhất là của một vị nữ tu Công giáo trình. Công viên Kerever là chỗ đi thiền hành rất thích thú. Pháp thoại về Tâm Kinh Bát Nhã được thu hình. Tony nói: "Chưa bao giờ tôi được nghe thầy nào nói về Tâm Kinh như thầy nói. Tôi nghe mà chảy nước mắt" (Tony là chủ tịch trung tâm thiền ở Sydney và đã học thiền hơn 20 năm nay với nhiều thiện sư Nhật và Hoa Kỳ).

Ngày 29/10/87 thầy diễn thuyết tại Quaker Hall cho người Úc; Surrey Hills. Ban tổ chức không ngờ thánh chung có thể đông hơn 200 nên phòng giảng ấy quá nhỏ với số người đến nghe. Rất đông người đến đứng ghế giảng phải ra về vì không còn chỗ đứng.

Ngày 30/1/86 thầy nói chuyện với văn nghệ sĩ Việt Nam vùng Sydney. Các anh chị nghệ sĩ có đàn hát và ngâm thơ, không khí rất âm cúng và thân ái.

Ngày 31/10 là ngày Chánh Niệm cho đồng bào, tổ chức tại Chùa Pháp Bảo. Có 60 thiện sinh ghi tên tham dự chính thức và khoảng 40 thiện sinh không ghi tên nên được học "hâm thụ" bên phòng bên, qua chiếc máy truyền hình. Ban tổ chức làm việc rất chu đáo.

Ngày 1/11/86 là ngày Chánh Niệm cho đồng bào do chùa Phước Huệ tổ chức. Có 220 người tham dự. Trong khi thầy giảng, tôi phải qua Pháp Bảo sinh hoạt với các em trong Gia Đình Phật Tử cho đến 12 giờ trưa. Sau đó tôi lại trở qua chỗ khóa tu để tổ chức thiền trà cho 220 thiện sinh. Chùa không đủ chỗ sinh hoạt nên Ban Tổ Chức phải mượn đất của một trường học và cắm một chiếc lều to 250 mét vuông mới đủ chỗ cho mọi người. Gió chiều khá lạnh mà đồng bào vẫn kiên trì dự buổi tọa thiền chiều và xem hình công tác xã hội.

*Tại Canberra, thủ đô nước Úc:*

Ngày 3/11/86 bay đi Canberra. Tối hôm sau thầy diễn thuyết tại giảng đường Đại Học cho người Úc. Giảng đường đầy người. Ngày 6/11 bắt đầu khóa tu cho người Úc tại trại YMCA. Có 60 thiện sinh tham dự. Đường thiền hành cát trắng mịn, dọc theo một giếng sông với cát nhiều đá, nước chảy sủi bọt trắng xóa. Hoa nở vàng rực đầy lối đi. Những thân khuyển diệp cổ thụ cao vút, Trời xanh, nắng ấm, thiện sinh thấy được là mình đang đi trong cõi Vô Lượng Quang. Ngày 10/11 bắt đầu khóa tu cho người Việt tại chùa Vạn Hạnh. Tuy chỉ có hơn 30 người nhưng phần đông là người trẻ. Khóa tu đã chấm dứt mà mọi người vẫn còn quyền luyện ở lại tập hát mấy bài trong quyển "Mê Trong Lồng Người Đi" của dân Làng Hồng soạn.

*Tiểu Bang Victoria.*

Ngày 11/11/86 bay đi Melbourne. Sáng ngày 12/11 thầy nói pháp thoại cho người Úc, khoảng trên 200 tham dự. Khóa tu cho người Việt được khởi đầu buổi chiều hôm

đó tại Đại Học Laroque. Có 50 thiện sinh Việt và 8 thiện sinh Úc dự thỉnh nghe tạm lời dịch của tôi nói nhỏ nhỏ bên tai). Thượng Toạ Huyền Tôn và đạo hữu Trần Hữu Lợi chùa Quang Minh phụ trách khóa tu này. Ngày 14/11 thầy phải vắng mặt trong khóa tu vì phải bay đi Sydney để dạy cho mây trăm Phật tử Úc tu tập một ngày tại trường đại học Sydney theo lời mời của Lyall Graeme, chủ tịch Cộng Đồng Phật tử tại Úc Châu trong ngày Hòa Bình thế giới. Vì vậy tôi phải nơi pháp thoại thay thầy. Ngày này có thêm 80 đoàn sinh Gia Đình Phật tử đến tham dự, vì vậy đã vắng thầy mà tôi còn lại lo cho gần 150 thiện sinh! Gia Đình Phật tử Victoria có nhiều khuôn mặt trẻ, thảo thức, có niềm tin và có sự hy sinh khiến tôi rất phấn khởi. Ngày 15/11 thầy mở cửa khóa tu cho đồng bào ở ngoài tham dự. Có trên 500 người đến. Pháp thoại này nói về nếp sống văn hóa và sự tinh thức, rất được đồng bào hưởng ứng. Báo chí có thuật nhiều về pháp thoại này. Có chừng khoảng 16 người Úc 'nghe ké' qua lời thông dịch của tôi mà cũng ghi tốc ký và hứa là sẽ đăng trọn bài trong nguyệt san bằng tiếng Úc của họ. Khóa tu chấm dứt vào trưa thứ hai 16/11 bằng một pháp thoại khá dài gồm một phần nhỏ Duy Thức Học ứng dụng và sơ lược về Bát Nhã Tâm Kinh. Có quý Ni Sư và Sư Cô từ tiểu bang West Australia đến tu trọn khóa. Ở tại Victoria cũng có một Ni Sư và một sư cô tham dự.

Ngày 16/11, chấm dứt khóa tu, tôi được đài "Tiếng Nói Úc Châu" phỏng vấn. Nửa giờ bằng Anh ngữ để cho người Úc nghe và nửa giờ bằng Việt ngữ để phát về Việt Nam. Buổi tối thầy nói pháp thoại tại trụ sở Phật giáo Tây Tạng cho người Úc. Buổi pháp thoại này do anh Gabriel Laffite điều động. Phòng giảng nghẹt người, Buồn cười là tôi lại gặp lại những khuôn mặt đã từng nghe thầy giảng hôm đầu tại Melbourne, đã tham dự trọn khóa (dự thỉnh) với người Việt và tôi nay lại còn đến nghe để phải trả thêm 5 Úc kim tiền vào cửa!

*Tiểu Bang South Australia.*

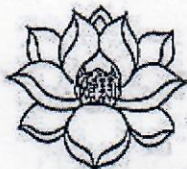
Ngày 17/11 bay đi Adelaide. Pháp thoại cho người Úc ngày hôm sau. Hai khóa thiền được tổ chức tại chùa Pháp Hoa do Thượng Toạ Như Huệ chủ trì: khóa đầu 37 người và khóa sau 57 người. Tối 23/11 thầy diễn thuyết cho đồng bào tại trường trung học gần đó. Hai mươi phần trăm thánh chúng là người Công giáo. Thấy bắt đầu bằng phép tu chánh niệm trong Phật giáo và Công giáo. Rồi thầy nói đến sự cần thiết của nếp sống tinh thức trong cuộc sống hằng ngày, sống như thế nào để con cháu và dân tộc có một tương lai. Vì linh mục Công giáo tham dự rất phấn khởi; ông đã tới xin cuốn băng thu thanh về để cho tín hữu nghe. Lễ mãn khóa được thầy Như Huệ tổ chức rất đẹp, nhiều tinh người.

*Trở lại Sydney.* Trở lại Sydney lúc 5 giờ chiều thì 7 giờ thấy lại cho thêm 1 pháp thoại cho thiện sinh Úc tại thiền đường Sydney của Tony Coote. Có nhiều chức sắc các tông phái khác tham dự. Khóa tu 3 ngày tại chùa Pháp Bảo bắt đầu ngày 25/11. Pháp thoại cuối là Bát Nhã Tâm Kinh, đã được thu hình. Ngày 29.11.86 thầy lên máy bay đi Hương Cảng. Đặc biệt của Úc châu là có nhiều người trẻ Việt Nam và Úc để ghi tên học luôn 3 hay 4 khóa khóa tu liên tiếp với thầy.



Tại phi trường Sydney, Phật tử Việt và Úc dĩ đũa khá đông. Thầy nói một pháp thoại nhớ ở sân phi trường cho các bạn trẻ trước khi lên máy bay. Một "Làng Sen Búp" vừa chớm nở ở tiểu bang New South Wales.

Chơn Không ghi



## ĐỐI DIỆN KHỔ ĐAU

*trích trong bài giảng của thầy Nhật Hạnh tại Đại Học Laroque, khóa tu 4 ngày ở Melbourne, Victoria, Úc Châu.*

Khổ đau là một loại cảm thọ (feelings) được gọi là khổ thọ. Có hai thứ khổ thọ: những niềm đau có thể tận phá: sức khỏe và tâm hồn ta; và những niềm đau có thể chữa trị và nuôi dưỡng cho ta nên người.

A. Những niềm đau thuộc loại sau: có thể gọi là *những niềm đau có ích*. Xúc tiếp với những đau khổ có mặt trong cuộc đời, ta có thể thấy những niềm đau riêng của ta không có nghĩa lý gì mấy. Vì vậy sự tiếp xúc ấy có tính cách tự liệu. Tuy nhiên ta phải biết xử dụng liều lượng của sự tiếp xúc. Tiếp xúc quá nhiều với khổ đau trong cuộc đời, tim ta có thể trở nên chai đá và lòng ta có thể trở nên chán nản. Tuy nhiên: có tiếp xúc với khổ đau, có nhận diện khổ đau, ta mới tập hiểu và mới tập thương. Có hiểu và có thương thì mới có hành động để làm vơi bớt nỗi khổ của những người sống quanh ta. Bàn tay của vị bồ tát có một con mắt nằm trong đó (tính thống ngân mắt ngàn tay) bởi vì sự thấu hiểu khổ đau đưa lại khả năng hành động.

B. Những niềm đau thuộc loại đầu là những niềm đau tự ta tạo ra cho ta một cách vô ích. Phần lớn những đau khổ mà ta chịu đựng thuộc về loại này. Nguồn gốc phát sinh của những niềm đau này có khi là cơ thể của ta (sắc), có khi là tri giác của ta (tướng: perceptions). Những xáo trộn trong cơ thể gây ra do nếp sống không điều độ, không lành mạnh, là nguồn gốc của rất nhiều khổ thọ. Vì vậy tu không phải chỉ là tu tâm mà trước hết là tu thân. Vì vậy ta không được đối xử với thân thể ta một cách khinh suất. Phải bảo tồn tinh, khí và thần. Phải sống điều độ, không thức khuya quá, không xử dụng những độc tố như rượu, thuốc lá và các chất ma túy.

Những tri giác sai lầm và cạn kiệt của ta là miếng đất phì nhiêu nhất để làm phát sinh những cảm thọ khổ đau. Đó là những nhận thức không xác đáng của chúng ta về con người và về cuộc đời. Do nhận thức sai lạc mà ta sinh ra bực bội, giận hờn, ghen tương, sợ hãi, lo lắng... Đây là những ngọn lửa đốt cháy tâm ta; làm cho ta mất hết sự an vui. Những cảm thọ này làm cho tóc ta bạc, da chúng ta chóng nhăn và tâm hồn ta co rút lại. Ta phải biết xử dụng

thiền quán mã đối trị với những cảm thọ ấy. Phải biết xử dụng hơi thở và nụ cười để có đủ bình tĩnh và an lạc mà nhìn sâu vào những gốc rễ của các phiền não trong tâm. Đừng nên cho rằng nguyên nhân của những phiền não ấy đã đến từ bên ngoài. Người có thực tập thiền quán thường biết rằng *tất cả đều tùy theo cách nhìn của mình*. Cái mà ta thường gọi là *thế giới khách quan* là một tấm gương trong đó ta có thể soi thấy mặt ta. Nếu ta cười, hình ảnh trong gương cũng cười. Nếu mặt ta méo mó, hình ảnh trong gương cũng méo mó. Phật dạy: "Tất cả đều do tâm". Úc Đại Lợi mùa này ít mưa. Những người Úc khôn ngoan thì không than trách trời đất vì họ đã biết tìm cách chứa nước từ mùa mưa trước. Họ có thể vừa làm việc vừa cười. Phàn nàn và than trách hoặc đổ lỗi cho ai khác không mang lại lợi ích nào hết cho chính mình và cho những người chung quanh; trái lại chỉ gieo rắc thêm sự buồn đau quanh mình.

Ta phải biết, qua giây phút hiện tại, xúc tiếp với những mâu nhiệm của cuộc đời để tiếp nhận và tạo ra cho mình sự tươi mát cần thiết cho sự sống. Nếu ta không an lạc, thì ta chẳng giúp ích gì được cho cuộc đời. Vì vậy, việc đầu tiên của người học thiền tập là để nuôi dưỡng mình bằng sự an lạc. Nuôi dưỡng như thế nào? Biết thở, biết cười (cười ngay vào sự khổ đau của chính mình) và biết biến những cảm thọ mà người ta gọi là *xả thọ* (neutral feelings) thành *lạc thọ*. Những cảm thọ không khổ không vui đều có thể biến thành *khổ thọ* hoặc *lạc thọ*. Người thực tập thiền phải học cách biến *xả thọ* thành *lạc thọ*. Bản thân ta là khởi điểm cho tất cả mọi sự thay đổi.

Ta hãy bắt đầu từ bản thân.

Tâm Ngọc ghi



L.T.S. Các bạn muốn đọc thêm về cảm thọ xin thỉnh cuốn *An Trú Trong Hiện Tại* của thầy Nhật Hạnh do Tu Viện Kim Sơn vừa xuất bản.



## THƯ CỦA THÚY SAN

(Thúy San sinh ở Canada, năm nay 13 tuổi,  
Thúy San đánh đàn cầm rất hay, mùa Hè 86  
Thúy San được về Làng Hồng với bố mẹ.)

Kính lạy Sư Ông,

Thưa Sư Ông, Sư Ông có được khoẻ mạnh không ạ? Con đã về nhà, hôm thứ năm tuần trước rồi ạ. Con đi máy bay, con hơi mệt. Con nhớ Làng Hồng ghê. Con về nhà, con thấy vắng quá. Mỗi tối là con ngồi thiền với bố mẹ. Ban ngày con ở nhà một mình và bao giờ rỗi thì giờ thì con viết lại nốt nhạc của những bài "Con Chuôn Chuôn", "Xoè Bàn Tay đêm ngón tay", "Thăng Cuối", "Tết Trung Thu rước đèn đi chơi" và con cũng đánh bài "Chuyển Hoá" của Sư Ông và chú Bảo. Có khi thì con ôn lại mấy câu ca dao con đã học ở Làng. Mà bao giờ con ôn lại mấy bài dân ca, ca dao là con lại nhớ Sư Ông và Làng Hồng ghê. Con vẫn nhớ câu mà Sư Ông dạy con "Mỗi lần cầm đàn lại thành mới tinh" và con nhớ Sư Ông cũng dạy là bao giờ bố hay là mẹ bắt an thì con nên ra ôm bố hoặc là mẹ và vừa thở để làm ấm lại bố hay mẹ đến khi bố hay mẹ nở được nụ cười. Hôm đó con được lên phòng Sư Ông uống nước trà cùng với các bác và bố mẹ. Về nhà con đọc lại chuyện Tý, con thấy thích hơn là ngày xưa, tại vì mỗi lần con đọc đến chỗ kể về Sư Ông hoặc Tý, Miêu, Sâm, bé Hiều, Bé Nhung, Bé Thơ là con lại thấy rõ tất cả mây kỳ niệm mà con đã sống ở Làng. Con nhớ là con được học về Ba Viên Ngọc và Ba Sư Quay Về làm cho con thay đổi nhiều lắm. Những ngày ở Làng Hồng con thuộc ngay Ba Sư Quay Về đó, vậy mà trước kia vào những lần tụng giới ở Canada con không thuộc được, con nghĩ chắc tại vì ở đó ít thiếu nhi. "Đoàn thể của những thiếu nhi nguyện sống cuộc đời tình thục" mà lại ít thiếu nhi thì làm sao con có thể có được nhiều lợi lạc. Con thấy là con thích Viên Ngọc Thứ Hai nhất, tại vì câu: "Con về nương tựa Pháp, con đường của tình thương và sự hiểu biết" làm cho con thay đổi rất nhiều. Như Sư Ông đã dạy: có hiểu mới thương được. Thành ra bây giờ con thấy con thương được nhiều người hơn.

Bây giờ mỗi chủ nhật là con theo bố mẹ con lên chùa Liên Hoa để ngồi thiền. Lần đầu tiên thì có vài thiếu nhi đến nhưng lần sau thì chỉ có mình con, không có một thiếu nhi nào hết cả. Còn hôm thứ sáu vừa rồi, con lên chùa Quan Âm với bố mẹ con, có lễ tụng giới, tối rồi con không thấy một thiếu nhi nào thì con hơi buồn. Lúc bác Tân gọi: "Các thiếu nhi, lên đứng trước Tam Bảo", chỉ có mình con lên, con hơi run run, tại vì con thấy chỉ có mình con thôi nhưng khi con thở và đọc bài kệ của Sư Ông: "Thở vào tâm tĩnh lặng, thở ra miệng mỉm cười" thì con đã đỡ run. Và lúc bác Tân bảo con đọc theo bác Ba Sư Quay Về Nương Tựa và Hai Lời Hứa thì người lớn cùng đọc theo luôn; còn con, thì con quên cả buồn và con cười. Hôm qua con vẫn đi thiền với bố mẹ, con cũng biết là không có thiếu nhi nào sẽ đi và con có rá Hà Nam đi chung với con nhưng Hà Nam bận không đi được nên con hơi buồn. Nhưng bao giờ con ngồi thiền ra thì con cũng hết buồn và trái lại, con còn

7  
thấy vui. Mẹ con cũng để ý thấy và nói với con: "Con có thấy không? Mỗi khi con đi thiền với bố mẹ là con buồn nhưng khi ngồi thiền xong là con vui như cái hoa. Mà con nhìn xem, trong một ngày, 24 giờ, có lúc nào mà con chịu ngồi yên được 15 phút để mà vui như thế không?" Con thấy mẹ con nói đúng, mặc dù không có thiếu nhi nào hết nhưng con vẫn thấy vui và con thấy hay ghê.

Thưa Sư Ông một hôm mẹ con chơi với Tí Con. Em Tí ngồi ra sau nên bị ngã ra sau, mẹ và bố con thấy và sợ quá hét lên rồi mau mau bế Tí Con đi và mẹ con đánh vào tay con và bảo là con ác quá. Lúc đó con ngạc nhiên không nói gì hết cả. Mà con biết là nếu con nói ngay cho mẹ biết, mẹ cũng không nghe ngay, tại vì mẹ con không được bình tĩnh. Mà lúc đó, con thật tình không có ý làm cho Tí Con đau như vậy. Lúc đó con hơi mếu mếu và con từ từ đi vào thiền đường (phòng thờ). Con xá tuệng Phật rồi con xá tạ cụ con ngồi. Con ngồi được một lúc là con khóc. Con vừa khóc vừa nói thầm với đức Phật. Mỗi lần con buồn và con được khóc và được tâm sự với đức Phật trong phòng thờ là con cảm thấy an lạc và vui hơn. Con khóc xong thì con ngồi thờ. Khi con thấy an lạc hoàn toàn thì con mỉm cười. Nhưng khi con khóc, con không có giận mẹ, con thấy con thương mẹ lắm. Khi con ra khỏi phòng thờ thì con đánh đàn. Lúc mẹ con nghe con đánh đàn thì mẹ con ra nói với con là: "Con ơi, con ra đây mẹ nói, lúc này mẹ không được an lạc lắm. Mẹ thấy Tí Con ngã và mẹ sợ quá, mẹ nghĩ là con có ý nô, mà lúc mẹ thấy mặt con thì mẹ mới biết là chắc mẹ nhầm, mẹ cũng đoán là con vào phòng thờ ngồi thiền. Mẹ định lên xin lỗi con nhưng lúc mẹ định lên, mẹ thấy con đánh đàn. Mẹ nhận xét là hôm nay con cố gắng và ngoan. Hôm nay con tự biết vào phòng thờ như vậy, mẹ phục lắm và mẹ rất thương con". Mẹ con nói xong hôn con một cái. Lúc đó con cứ đi và con bá cổ mẹ con. Và con nghĩ thầm trong bụng là con rất nhớ ơn Sư Ông đã chỉ bảo cho con, nếu con cái mẹ thì mẹ con càng buồn bực như vậy thì sẽ giận lâu hơn một đêm.

Con xin phép Sư Ông con ngừng bút. Con xin kính chúc Sư Ông nhiều mạnh khoẻ và các bác các anh chị ở Làng Hồng được nhiều an lạc.

Kính thư,  
con Bùi Thúy San



### NHỮNG KHÓA TU Ở CÁC TRẠI TỊ NẠN

Chơn Không Cao Ngọc Phụng ghi

Tại trại Palawan

Ngày 23/9, máy bay từ Manila về đảo Palawan đáp tại phi trường Puerto Princesa. Xương phi có, thầy và tôi thuê xe lam đi ngay vào trại tị nạn Palawan vốn



cách đó không xa. Chùa ở gần công trại. Thầy và tôi vào lạy Phật. Lúc đó vào khoảng 5 giờ chiều. Lạy Phật ra thì gặp ngay đại đức Giác Thường và anh Hòa của Ban Đại Diện Phật giáo. Được ăn cơm với rau lang và rau muống. Trời mưa tầm tã, phòng khách của chùa dột ướt mềm. Tôi ngồi nói chuyện với anh Hòa và thầy Giác Thường trong khi thầy vào liêu xá nghỉ lưng. Mười lăm phút sau thầy ra và nói rằng liêu cũng bị dột mềm. Liêu nhỏ chỉ đủ chỗ để một cái giường tre và một cái tủ nhỏ. Mưa tạnh, bé Châu đưa thầy đi viếng một vòng quanh trại trong khi tôi tiếp tục hỏi về tình trạng trại. Loa phát thanh bắt đầu đọc thông cáo là chiều nay đúng 8.30 thầy sẽ nói chuyện với thiếu nhi trong trại. Đến giờ các em tụ tập rất đông, chủ lực là gia đình Phật tử. Thầy dạy về ba viên ngọc và ba sự quay về nương tựa, dặn dò các em học sinh ngữ song song với việc trau dồi tiếng mẹ đẻ về xứ dựng thì giờ trong thời gian ở trại cho khôn ngoan. Rồi thầy giao cho tôi dạy các em bài hát *Quay Về Nương Tựa*. Người lớn dự khá đông.

Sáng ngày 24/9 thầy đề nghị ban Đại Diện làm dự án xây cầu tiêu, lấp lại tầng xá và tổ chức tu sách Phật học cho trại. Loa phát thanh thông báo là chiều nay tác giả Bông Hồng Cài Áo sẽ giảng cho người lớn. Cả buổi chiều tôi phỏng vấn một số người đặc biệt trong trại: có ghe đi 23 người mà đến nơi chỉ còn 1, vì bé thuyền ở đảo san hô và chết đói và khát luôn trên ấy. Một chiếc ghe khác đi 31 người mà 11 người đã chết vì đói và khát. Một em trai khác sống sót một mình trong khi trọn ghe bị vỡ vì một tảng đá ngầm. Người trên ghe sống sót được vài tuần nhờ ăn trứng chim đẻ trên 1 xác tàu chiến mắc cạn hồi thế chiến thứ hai. Nhưng sau đó mọi người vì uống nước ngọt trong thùng sắt cũ trên tàu chiến mà bị đi tiêu chảy và chết dần hết. Riêng em đang nằm thoi thóp thì gặp được một ca nô Đài Loan đi tìm ngọc trai và được cứu kịp. Em ở trên biển 8 tháng, 4 tháng trên chiếc tàu chiến mắc cạn và 4 tháng trên tàu Đài Loan đi tìm ngọc trai. Tôi hôm đó được ăn canh mít nêm rau quế trồng tại trại. Thầy dạy đồng bào cách thở, cách nghe chuông, biết an trú trong hiện tại, biết sử dụng thì giờ trong trại để học hỏi tạo thêm vốn liếng sinh ngữ và kiên thức cần thiết cho sự đi định cư, biết đời trị những tâm trạng đau buồn chán nản, khắc khoải lo âu. Mỗi khi bị "đá" (nghĩa là đơn xin định cư bị một nước bác bỏ) thì phải xử sự như thế nào, về chùa lạy Phật như thế nào v.v...

Ngày 25/9 thầy dạy tôi cúng dường cho Phật tử tại trại ngân khoản 13.200 pesos để xây cầu tiêu, sửa lại mái che mưa cho liêu xá và phòng khách và để tặng 80 gia đình nghèo không thân nhân hải ngoại, giúp đỡ mỗi gia đình một chút lòng (100 pesos; 5 mỹ kim). Thầy còn để lại trại một lá thư để dẫn đỡ đồng bào những điều cần nhớ trong khi sống tại trại. Lá thư này thầy Giác Thường niệm yết tại văn phòng chùa. Chiều lại thầy trò phải lấy máy bay đi Manila và chuyển sang chuyên máy bay đi Úc trong buổi chiều cùng ngày.

#### Năm ngày của thầy ở Hương Cảng

Hai tháng và một tuần làm việc tại Úc đã đi qua, trước khi về lại Pháp thầy có ý định đi thăm đồng bào tị nạn bị nhốt tại các trại cầm ở Hồng Kông. Vừa tới phi trường sáng ngày 30/11/86 đã thấy có chị Kim Cúc và chồng là giáo sư Fok đi đón. Có mặt tại phi trường cũng có Đại Đức Saddhaloka và chị Lương Huệ Lan, hai người đã từng làm việc tự nguyện tại các trại tị nạn. Kim Cúc là cựu Sinh Viên Phật Tử Saigon, có đi công tác ở Làng

Tỉnh Thường (tiên thân của trường Thanh Niên Phục Sự Xã Hội), hiện giờ làm cho Liên Hiệp Quốc tại trại tị nạn. Giáo sư Fok dạy sư học tại đại học Hương Cảng.

Ngày 1/12/86. Buổi sáng giáo sư Fok đưa thầy đi thăm nhà sách lớn nhất Hương Cảng về việc phát hành kinh sách Phật giáo. Buổi trưa thầy và tôi đi thăm trại tị nạn Argyle còn gọi là *A Giai Nạn Dân Quán*. Tuy là trại cầm nhưng trại này đồng bào đã được một nước thứ ba chấp nhận cho định cư. Chỉ có 49 người bị liệt vào hạng I.I. (Illegal Immigrants) tức là Di Cư Bất Hợp Pháp. Họ sống trong tình trạng pháp phông là sẽ bị đưa về Trung Hoa Lục Địa bất cứ lúc nào. Trước họ đã có hàng trăm người bị liệt vào hạng I.I. và đã bị đưa về lục địa. Trong số này, có người đã từng được tị nạn ở Trung Cộng nhưng sau trốn đi, mong được đến một xứ không Cộng Sản để sinh sống, có người chỉ vì thuyền vỡ nên phải lên bờ. Trung Cộng có một vài ngày hay một vài tuần. Tại Hồng Kông, bất cứ người Trung Hoa nào từ lục địa trốn sang cũng đều bị trả về lục địa, dù họ có thân nhân ở đây. Người tị nạn Việt Nam cũng bị liệt vào phạm trù này, dù họ chỉ mới chầm chân lên đất lục địa vài ngày. Thầy và tôi đã nói chuyện khá lâu với 49 đồng bào này. Trong số đó có hai em bé là Trần Văn Cường 3 tuổi và Trần Văn Công 18 tháng mới bị mồ côi cả cha lẫn mẹ. Một đợt sóng vữa cuốn phăng mẹ các em, cha các em nhảy theo để cứu nhưng cũng bị sóng cuốn đi luôn. Có người đã tìm cách xin bảo trợ hai em nhưng chính quyền Hồng Kông nhất định không chịu. Sau khi tiếp xúc với đồng bào thuộc diện I.I. thầy ra dạy thiền tập cho tất cả đồng bào tị nạn khác. Ban quản trại đã thiết lập một thiền đường tạm cho việc thực tập này. Thầy Saddhaloka, chị Huệ Lan và giáo sư Fok có ngồi tham dự. Thầy dạy cách thở, cách nghe chuông, cách điều phục tâm ý, cách đi thiền hành cho trẻ em và người lớn. Thầy cũng dạy cách sử dụng thì giờ trong trại để làm giàu hành trang định cư. Chơn Không có viết riêng 1 báo cáo bằng tiếng Anh về trại này và những người I.I. Tôi hôm đó thầy đi thăm tiếp trại Jubilee. Cũng như trại A Giai, trại Jubilee (tiếng Hán Việt là Ngân Hỷ Nạn Nhân quán) cũng nằm trên lục địa Cửu Long (Kowloon). Trại này không được sạch sẽ, vữa dơ vữa hôi. Đồng bào có một Niệm Phật đường nhỏ xíu. Phần lớn nói tiếng Huế nên yêu cầu thầy nói tiếng Huế. Trẻ em rất đông. Ban Đại Diện lập được Gia Đình Phật Tử tại trại. Dâng hương và lễ Phật xong thầy dạy Chơn Không hướng dẫn mọi người hát Ba sự quay về nương tựa. Hát xong thầy dạy thiền tập, cách thở, cách ngồi, cách cúi, cách nghe chuông, cách điều phục tâm ý. CK ngồi bên chị Huệ Lan, dịch cho chị nghe những điều thầy dạy bằng tiếng Việt. Sau buổi thiền tập, Chơn Không đem sách tặng cho đồng bào Phật tử: Bông Hồng Cài Áo, Phép Lạ Của Sư Tỉnh Thức, Tụng Đức Nữ Hoa Sen, Thiển Hành Yếu Chỉ... Sở dĩ có nhiều sách tặng đồng bào là nhờ trong thời gian thầy ở Úc châu, các bạn thiền sinh Việt Nam ở Úc đã thành lập xong Lá Bối Đại Dương Châu và đã in được 4 cuốn sách Lá Bối (Trụ sở Lá Bối Đại Dương Châu tạm đặt tại địa chỉ liên lạc của chị Thân Bạch Mai 6/23 Blenheim st. Randwick N.S.W. 2031. Nhóm này làm việc rất nhanh rất giỏi và rất vô tướng. Không có ai làm Giám Đốc cả vì tất cả thiền sinh Làng Sen Búp đều cùng chịu trách nhiệm). Họ hứa sẽ tiếp tục tặng sách Lá Bối cho các trại tị nạn. Tôi hôm đó rất khuya thầy trò mới rời trại tị nạn.



Sang ngày 2/12/86 thức thật sớm để xuống tàu đi thăm trại Chi Ma Wan ở đảo Lan Tau. Tên Hán Việt là *Chi Ma Loan Cầm Bê Trung Tâm*. Cầm bê là trại cầm, không ai được ra vào, Chi Ma là Mè (vũng) và Loan là cái vịnh. Trại này cách Hồng Kông một giờ rưỡi tàu thủy. Tàu này của Cao Uy Ti Nan thuê, mỗi ngày chở nhân viên viên đi làm tại các trại ngoài khơi. Từ tối hôm qua, Huệ Lan và tôi đã đi mua quả cho đồng bào tại trại. Tương chao cho thấy Quảng Nhiên và các Phật tử trường trại; chúng tôi còn mua thêm đậu phộng và hạt dưa cho mọi người. Chị Huệ Lan rủ thêm được một thanh niên Phật tử Tàu tên là Lâm Thế Quang. Tối nói lúc 9g30 sáng. Ban trại trưởng cho biết đã tập hợp Phật tử hai trại của ChiMaWan(trại trên và trại dưới) lên trại trên để, thấy gặp, nhưng khi đến nơi thì số người tham dự chỉ trên 100, mà phần nhả là đoàn sinh Gia Đình Phật Tử. Phòng họp rộng thênh thang vì cả hai trại trên và dưới có đến gần 2.000 người mà đa số là Phật tử. Đại Đức Quảng Nhiên mặc y áo ra đánh lễ thầy ngoài sân khi thấy mới tới trại. Về cảm động hiện rõ trên mặt mọi người. Trong thánh đường tôi suy nghĩ nhiều, không biết tại vì sao mà Phật tử đến tham dự ít như vậy. Họ là lính, hoặc họ không dám tố ra là Phật tử để khỏi bị ban quản trại bạc đãi. Ngày hôm qua Huệ Lan đã nói trước với tôi là Ban Quản trại tại đây vốn là người Tin Lành và tổ chức nhân đạo lo phần thức phẩm y tế cho trại thuộc Đạo Quân Cứu Rỗi ( Salvation Army) đều có ý kỹ thị người Phật tử. Máy điện và máy thông hơi chạy ồn ào quá, khó thiết lập được không khí thanh tịnh để thầy thuyết pháp và hướng dẫn thiền tập. Chúng tôi phải đi vận động lát hết các máy thì không khí mới an tĩnh trở lại. Thầy dạy xong buổi sáng thì tôi phải chuẩn bị lo thiền trà cho khoảng 120 thiền sinh: Chị Huệ Lan, Kim Cúc và anh Lâm Thế Quang lần đầu được dự thiền trà, Anh Quang thích quá. Buổi chiều trong khi thầy dạy thiền hành ngoài sân; tôi theo chị Huệ Lan leo xuống trại dưới để quan sát. Xuống đây tôi mới khám phá ra sự thực là trại này gồm 1.200 người tị nạn, ban quản trại quyết định chỉ cho 1 phần 10 người tham dự, nghĩa là 120 người nhưng cuối cùng chỉ có 50 người được lên trại trên nghe thầy giảng vì ban quản trại lấy cớ là 70 người còn lại không đi trình diện đúng giờ ở cổng trại. Nói chuyện với đồng bào Phật tử ở đây tôi thấy ai cũng rướm rướm nước mắt ướt ướt. Tôi hứa là sẽ cố gắng để xin thầy trở lại trại dưới thăm đồng bào. Đi vòng quanh trại này, tôi thấy 1 nhà thờ khá đẹp, một quán ăn do đồng bào Công giáo phụ trách. Quán bán bún chả 28 đồng Hồng Kông 1 phần (khoảng 4 đô Mỹ), gà quay Giáng Sinh 50 đồng Hgk 1 con, phở 5 đồng, thuốc lá 8 đồng 1 gói. Cơm trại chỉ phát 2 lần trong ngày: 9 giờ sáng và 5 giờ chiều, thức ăn rất kham khổ. Đồng bào Phật tử luôn luôn được dự lễ nếu theo đạo sẽ có thể có việc làm (đan, may, ráp đồ chơi...) để kiếm chút tiền túi mua vài món cần thiết như hộp sữa cho con; ăn bát phở hay tiền mua giấy mực tem thư và quan trọng nhất là có thể có giấy bảo lãnh được đi định cư. Đồng bào bị đối xử như tù nhân hoh là như người tị nạn và đồng bào Phật tử là tù nhân hạng nhì. Bởi vì tù nhân hạng nhất là người Tin Lành và Công Giáo. Người Phật tử rất đông, họ bám víu lấy niềm tin nơi đạo Phật và nơi tổ tiên như bám vào cái gì duy nhất còn sót lại của đời họ, cho nên họ đã cố kiên trì, không vì một vài điều kiện vất vả chất mà cam tâm theo đạo mới. Thiên đường của trại Chi Man Wan là nóc của khoảng 30 cái

giường. Mỗi nóc giường có kê 1 tấm ván khập khểnh. Họ dựng bàn thờ Phật Thích Ca, bàn thờ Quán Thế Âm trên ấy. Phật Quan Âm có long nữ mặc áo bà ba đứng hầu. Họ họa tương tử Bồ Đề Đạt Ma, tổ Tỷ Ni Đa Lưu Chi thật đẹp và to bằng người thật. Thiên đường thật là trang nghiêm và rất Việt Nam. Tôi có bấm được 10 tâm hình nhưng vì máy xấu và trại tối quá nên không ra được tâm nào cả. Tối hôm đó, sau khi làm việc chi Huệ Lan và anh Lâm Thế Quang đưa chúng tôi về ngủ tại chùa Bảo Liên trên đỉnh núi Bình cũng thuộc đảo Lan Tau. Thầy không thể trở lại Chi Ma Wan để thăm trại được như tôi mong mỗi vì như chương trình đã ấn định; hôm sau phải đi thăm trại HeilingChau và ngày chót thăm trại cầm dành cho người tị nạn độc thân.

Trại Hei Ling Chau

Đề tới trại Heiling Chau chúng tôi cũng phải đi thật sớm từ Hồng Kông bằng tàu của Liên Hiệp Quốc. Tàu nhỏ, ngồi dễ bị ói vì say sóng. Tôi phải theo dõi hơi thở suốt một tiếng rưỡi đồng hồ để không bị say. Trại có tên Hán Việt là *Hỷ Linh Châu Cầm Bê Trung Tâm*. Trại có khoảng 2.000 người, đều từ miền Bắc tới. (Trại Chi Ma Wan gồm đồng bào từ miền Nam). Đại Ủy trại trưởng là ông Toong (tên Hán Việt là Đường) là người Tin Lành, rất hà khắc. Cũng như trại Chi Ma Wan, người tị nạn bị nhốt vào nhà giam có hàng rào kẽm cao 4 mét và hai lớp rào cách nhau 3 mét. Họ bị xem như tội phạm hạng hiểm nguy. Ai mở miệng than phiền sẽ bị biệt giam. Và cũng như ở Chi Ma Wan người tị nạn Phật tử là tù nhân "hạng nhì". Chiu rửa tội sẽ được đan, may, ráp đồ chơi để kiếm chút ít tiền, sẽ hy vọng được giấy bảo trợ đi định cư. Tại đây có vị linh mục da trắng bảo trợ một số gia đình nghèo. Đến nơi thầy và phái đoàn đi thăm xá giao ông Tổng Giám Đốc trại. Đến 10 giờ thấy xuống chỗ tập hợp Phật tử để dạy thì được họ chỉ cho phòng B. Phòng A mà Phật tử được hứa hẹn hai tuần trước và đã để ra một buổi sáng để chùi rửa và lau khô thì sáng nay không được dùng. Phòng B còn ướt mềm những côm ròi, xuống cơ... róc bần. Chờ Không xin phép Đại Ủy Toong cho dùng phòng A vì nghe Phật tử nói đã thức sớm lau chùi từ lúc tinh sương. "Ở đây ai cũng phải lau chùi hết, không phân biệt Phật tử hay không Phật tử. Chúng tôi đã trừ đình danh phòng A cho cha Robert rồi; ông Đại Ủy nói như vậy. Được biết người Công giáo khi hành lễ đều ngồi trên băng, không phải ngồi thiền sát đất như Phật tử nên không sợ ướt, tôi đã đến điều đình với Cha Robert, hứa nhờ Phật tử dọn giúp phòng B gấp cho cha. Cha Robert bằng lòng. Cha bận phát tiền cho người tị nạn Công giáo nên không đích thân ra nói chuyện với đại ủy trại trưởng được. CK đưa hai đồng bào Công giáo và hai đồng bào Phật tử tới gặp đại ủy để nói rằng hai bên Phật và Công giáo đều đồng ý để phòng A cho Phật tử nhưng ông lạnh lùng không cho. CK bèn lên xin ông Tổng Giám Đốc can thiệp. Ông này nghe nói không phải là người theo Chúa nhưng cũng có vẻ ngán ông kia nên không dám quyết định, ông chỉ hứa hơi thúc lau chùi phòng B cho mau mà thôi. Ông ta ra hỏi đại ủy Toong ông này vẫn một mực không cho. Cả ban quản trại đều không (hay không muốn tin rằng cha Robert đã bằng lòng đổi phòng). Họ cảm không cho Phật tử vào phòng A. Tôi phải điều hòa ba hơi thở rồi mới lên tiếng: "Thầy tối và



tôi không có nhiều thì giờ đâu. Được ông Woodhouse và ông Samsit mời tối đây để giúp người tị nạn chủ đầu phải tôi xin xỏ gì quý vị mà quý vị làm khó dễ như thế? Tôi sẽ báo cáo hết, không những cho ông Woodhouse ở đây mà còn về báo cáo luôn ở Luân Đôn nữa, cho mọi người biết rằng các ông kỹ thị và làm khó khăn như thế. Quý vị xem người tị nạn như một con vật chứ phải con người." Ông Woodhouse là Trưởng Ngành An Ninh Chính Phủ Hoàng Gia Anh tại Hồng Kông, ban của chị Julia chủ tịch hội Refugee Action, có học thiên với thầy). Ông Đại Ủy bắt bắt đầu ngân, giá vở đi tìm cha Robert rồi thoát một cái đá trở lại nói cha Robert đã đồng ý cho phép Phật tử dùng phòng A. Chỉ trong vòng 15 phút, phòng A đã được Phật tử biến thành một Phật đường trang nghiêm. Trên bàn Phật có các thứ trái cây kẹo bánh và có cả năm bao thuốc lá dăng cùng lên đức Thế Tôn nữa! Số đã có được mấy món này là do trong số Phật tử có vài người có thân nhân ở hải ngoại gửi tiền. Đồng bào đem mền ngủ của họ (có trên 50 cái mền) trải lên nền nhà để ngồi hành lễ. Thấy bắt đầu giảng dạy nhưng không ai nghe được gì hết vì thính chúng quá đông mà không có máy phóng thanh, và lại trong khi đó tiếng loa phóng thanh bên phòng B của buổi lễ Công giáo đang vang ra lẫn áp hết mọi âm thanh khác. Tôi và chị Huệ Lan đi kiếm mượn được một chiếc loa chạy pin nhưng tiếng nói của thầy cũng không vọng xa được mấy thước. Thầy Saddhaloka rất bực; thầy nói chưa lần nào thầy vào trại mà không có máy phóng thanh như lần này. Mãi cho đến 12 giờ 15 khi bên Công giáo hành lễ xong, mình mới mượn được máy phóng thanh và từ đây thầy mới bắt đầu giảng dạy được.

Vì tất cả đều là người tị nạn đi từ miền Bắc chonên thầy nói tiếng Bắc. Thấy kiến nhân vô cùng, dạy cho đồng bào từng li từng tí về cách ngồi, cách thở, cách ăn, cách điều phục tâm ý khi đang làm việc, cách giữ vững niềm tin, cách chuẩn bị hành trang văn hóa và sinh ngữ, cách xử dụng thì giờ tại trại. Đây là lần đầu đồng bào được gặp một ông thầy tu đồng hướng - ông thầy tu này lại dạy cho họ những điều hết sức là thiết thực cho nếp sống hằng ngày và cho lý tưởng văn hóa. Ở miền Bắc hơn ba chục năm nay, mấy ai được gặp một ông thầy tu - nhất là một ông thầy tu biết chỉ dẫn cho họ từng đường đi nước bước trong hiện tại và tương lai như thế. Cặp mắt nào cũng sáng rỡ. Thiếu nhi và người lớn ngồi chật cả thính đường. Đồng bào thực tập ngay tại chỗ. Buổi thực tập kết thúc; đồng bào được yêu cầu trở lại lúc hai giờ để dự thiên trà và nghe thầy dạy tiếp. Tại trại không có ăn trưa, đồng bào chỉ được ăn lúc 9 giờ sáng và 5 giờ chiều. Vừa chuẩn bị thiên trà vừa nói chuyện với đồng bào, tôi nhận thấy đồng bào Phật tử miền Bắc thuần thành và dễ thương. Suốt mấy chục năm sống dưới chế độ hà khắc của người Cộng Sản mà họ vẫn giữ được niềm tin nói đạo pháp và nơi tổ tiên. Họ rất sung sướng được bộc lộ niềm tin đó. (Tại trại Chi Ma Wan Phật tử đến từ miền Nam tuy rất trung kiên giữ đạo nhưng vài người còn chia rẽ hơn họ, phân biệt Phật tử khối Ấn Quang và khối Vĩnh Nghiêm, nói xấu về Hoa Kỳ để cho thầy Quảng Nhiên bị mất giấy bảo trợ). Thiên trà rất đông. Đồng bào ngồi tối năm vòng lớn, sát vào nhau. Các em bé ngạc nhiên thấy mình trong thiên trà có địa vị giống hết người lớn; cũng một chiếc bánh và một ly trà như bộ mẹ các em. Lần đầu tiên mọi người biết ngưng tụ tâm ý, uống trà và ăn bánh trong giờ phút hiện tại. Đại chúng được mời hát lại bài Ba Sự Quay Về nương tựa mà tôi đã vâng lời thầy dạy họ hát lúc chưa mượn được máy phóng

thanh. Sau đó thì giờ đàm đạo trong thiên trà phải để dành cho sự chỉ dẫn tu học. Phật tử xin được gửi sách báo Phật giáo về và một cuộn băng hướng dẫn khóa lễ để mỗi tuần có thể họp nhau lại mà tụng niệm. Ở đây không ai được xử dụng máy chụp hình và máy cassette. Chúng tôi hứa sẽ can thiệp với giới thẩm quyền để đồng bào được dùng máy cassette trong khóa lễ và nghe pháp thoại, và cũng hứa sẽ mua tặng đồng bào một cái máy như thế.



Ba giờ 50 thầy đưa đồng bào ra ngoài dạy thiên hành. Xong thầy báo Chơn Không đến can thiệp với ban quản trại về những quyền lợi của Phật tử. Chị Lương Huệ Lan đã xin được của Phật tử Hương Cánh 6 tấn áo quần đủ loại nhưng ông trại trưởng không cho chỉ phát cho mấy gia đình Phật tử con đông đang lạnh vì thiếu áo. Ông đã khóa kho lại, không cho phát và bảo khi nào chị tìm cho đủ 1.800 cái áo sơ mi, 1.800 cái quần, 1.800 áo len v.v. cho đủ 1.800 người trong trại mỗi người đúng một thứ giống nhau thì ông mới cho phát. Mà đồ đạc cũ xin được làm gì có đúng 1.800 cái giống nhau như ông ta ra điều kiện. Chị cũng xin được vài mớdi việc may, đan và ráp đồ chơi cho một số Phật tử nghèo, đồng con nhưng ông ta cũng không cho, bảo rằng khi nào chị tìm ra 1.800 việc cho mọi người trong trại thì mới được. "Chúng tôi không phân biệt tôn giáo. Tìm việc làm thì phải tìm cho tất cả mọi người" Ông đại ủy nói khéo như thế. Trong khi đó những đồng bào Công giáo tại trại vẫn được bên Công giáo tìm việc cho và những Phật tử nào hứa vớ đạo Tin Lành cũng được vài công tác làm ra tiền. Thầy vỗ vai ông ta, nói: "Như vậy ông đang thực hiện bất công xã hội mà ông không biết đó. Có những người có thân nhân gửi tiền và áo quần giúp và đang được mặc ấm, họ đâu cần được thêm áo, trong khi nhiều người chết con mà ông khóa áo lại trong kho" Tôi cũng nói: "Có được việc làm nào thì giao cho người tị nạn việc ấy, ai nghèo nhất thì có ưu tiên, chứ nếu đợi có tới 1.800 việc thì tôi chắc điều này chẳng bao giờ xảy ra cả" Ông đại ủy rất bực vì có người Việt dám cãi lại ông ta. Ông phân bua là ông không kỹ thị, người tị nạn nào cũng thương ông ta hết, không tin thì hỏi họ coi. Tôi cho biết là người tị nạn không cần phải than phiền về ông ta. Tôi chỉ cần ở tư sáng đèn giờ là thấy đủ hết, rằng ông là củ khoai, người tị nạn ở đây chỉ là những con kiến dơi với củ khoai. Ông hỏi mà họ dám nói sự thật thì cũng như con kiến mà đi kiện củ khoai thôi. Củ khoai mà lẩn xuống là kiến chết hết, con kiến đâu dám hó hé gì. Ông ta tức quá nói: không nói chuyện với các người nữa. Thấy cầm tay ông, nói: "Ông nên học đối xử với người tị nạn như những con người. Mai này thế cuộc vô thường, ông có thể trở thành người tị nạn". Tôi dịch cho đồng bào nghe câu chuyện. Xong tôi cũng cho ông ta biết là tôi sẽ báo cáo về ban Anh cách cư xử của ông ta với người tị nạn. Tôi nói cách cư xử đó chính tôi thấy hơi sáng này chứ không



cần nghe ai báo cáo hết. Ông ta bắt đầu ngán nói rằng sẽ bắt đầu mở kho phát áo cho đồng bào ngày mai. Lần đầu tiên đồng bào thấy có người Việt lớn tiếng nói với đại úy trại trưởng úc hiệp họ xưa nay nên họ lờ lững. Xưa nay họ... người tị nạn nào dám phản nân là bị xem như phản loạn và bị biệt giam. Bây giờ thấy họ lại nổi thảng với ông đại úy là nên học đổi xử với người tị nạn như đối xử với con người khiến họ cảm động và hạnh diện. Sắp đến giờ tàu rời bến, thấy ra chụp hình với đồng bào, cần dặn những điều cuối cùng. Tôi nghe đại úy trưởng trại hỏi riêng thầy Saddhaloka và chị Huệ Lan: " Ông thấy chưa nào đó?" ám chỉ thầy. Hai người đều trả lời: " Đó là một ông thầy rất nổi tiếng ở Âu Châu và Mỹ Châu" Ông ta hỏi thêm: " Ông thấy này người Nam hay người Bắc Việt Nam?" Khi nghe nói thầy là người miền Nam thì ông ta ngạc nhiên hết sức. Người miền Nam sao mà bênh vực người miền Bắc như thế? Họ có biết đâu rằng sống theo lời Phật dạy thì đâu còn y niệm người nước này với nước kia, người Việt miền Nam hay miền Bắc. Nếu như thấy một người Phi Châu bị áp bức như thế thầy cũng phải lên tiếng nữa thay. Để cho ông ta ngán thêm mà đừng trả thù đồng bào khi thầy đã ra đi nên tôi xen vào: " Trong số đệ tử của thầy có cả những dân biểu quốc hội Anh nữa". Sự thực cũng có như vậy. Ông ta có vẻ ngán hơn và hứa là sẽ thỏa mãn những nguyện vọng của đồng bào. Thấy có chụp máy ảnh hình đồng bào đứng sau hai lớp hàng rào nhìn ra. Cảnh tượng rất thương tâm. Đồng bào luyện tiệp, đã tranh đấu để có thêm từng phút từng giây với phái đoàn. Tàu rời bến.

Tôi ngồi trên tàu nhìn lại hải đảo Hỷ Linh Châu nhớ dần mà lòng thương cảm xót xa. Đứng ở trại, thông cảm với nỗi khổ đau hiện thực, đối đầu với những gương mặt sắt đá tàn ác của những cai ngục mới thấy những vấn đề thường ngày của mình ở Âu Châu, Mỹ Châu hay Úc Châu là vô nghĩa. Trước khi rời trại thầy có dạy tặng cho đồng bào cùng một số tiền như ở những trại khác là 2.500 đồng Hồng Kông. Đồng bào năn nỉ chị Huệ Lan đi mua vài dùm để họ may đồng phục Gia Đình Phật Tử mà mặc chung. Trong túi chỉ còn 500 Hgk tôi đưa nốt cho chị, hy vọng đủ tiền mua vài vì số đồng bào Phật tử ở đây đông quá và rách cũng nhiều. Hồi còn ở Âu Châu, gửi tiền nhiều lần giúp cho các trại tị nạn tôi rất không thích việc may đồng phục cho Phật tử bằng tiền mà thiên sinh đến học với thầy gửi tặng. Tôi cứ nghĩ, tiền này chỉ nên dùng để mua thuốc men, sữa hay tem thơ mà thôi. Qua tới đây tôi mới hiểu. Đồng bào đã mất hết: đất nước, nhà cửa, mồ mả tổ tiên... họ chỉ còn cái bản sắc (identity) Phật tử của họ. Cái đó cũng đang bị đe dọa bị cướp mất. Họ bám vào đó để không tự đánh mất mình, đánh mất sắc thái văn hóa mình. Cho nên mặc đồng phục vào là một cách chứng minh mình chưa mất cái quý giá nhất của mình. Ngồi đến đó, tôi bất giác rưng rưng muôn khóc.

đến năm giờ rưỡi thầy trở mới rời trại. Trại này không ở đảo mà ở miền Bắc Cửu Long. Ra khỏi trại, đang đi bộ thì ba thầy trò gặp một ông Do Thái lái xe ngang qua. Ông mời chúng tôi lên xe dù xe ông đã chật cứng. Ba người, thầy, chị Huệ Lan và tôi gần như phải ngồi trên mình những người khác. Họ chở chúng tôi đến bến phà. Trong xe, chúng tôi nói chuyện về 5 ngày ở Hồng Kông của hai thầy trò với năm trại tị nạn. Khi chia tay, ông Do Thái kín đáo nhét vào túi thầy một bao thơ mẫu đồ và dán lên phà hãy mở ra. Thì ra đó là bao thơ đựng tiền cúng dường. Chị Huệ Lan nói: " Ông này chắc chắn là Phật tử, nếu không thì tại sao biết cúng dường như vậy?" Tôi cười nói: " Không hẳn phải là Phật tử mới biết cúng dường. Nhất là cúng dường những người đang lo cho kẻ khổ đau."

Tôi nay (5/12/86) có tin buồn. Báo The South China Post đăng tin nước Anh sẽ không nhận thêm người tị nạn từ Hồng Kông nữa và định kế hoạch gửi trả họ về Việt Nam. Nước Anh nói sẽ điều đình với các nước khác để làm áp lực Hà Nội nhận lại người tị nạn và sẽ nhờ Cao Ủy Liên Hiệp Quốc can thiệp để những người tị nạn trở về Việt Nam không bị trả thù. Hồng Kông nói nếu không trả về thì cũng kéo ra biển. Thật là vô lương tâm. Hồng Kông nói: " Tại sao trong khi nhiều người tị nạn địa phương qua đều bị trả lại hết về lục địa mà mình phải nhận người tị nạn từ Việt Nam? Phải trả lại Việt Nam mới là công bình" Thầy Saddhaloka tức quá, nói: " Đã làm sai một cái lại còn muốn làm sai cái thứ hai để chữa cái sai thứ nhất. Xã hội Hồng Kông thật là ác đức". Thầy Nhật Hạnh bảo tôi gọi các nhà báo tới. Hôm nay là chiều thứ sáu, các hãng thông tấn đều nghỉ việc, gọi tới đâu cũng không có ai trả lời. Thêm vào vụ ông Toàn Quyền Hồng Kông mới vừa tịch ở Thượng Hải nên không ai để ý tới câu chuyện của mình. Rốt cuộc chỉ có đài B.B.C. hứa là sẽ đến sáng mai. Thầy rất lo lắng cho tương lai người tị nạn. Tối đó tôi bị ác mộng. Có lẽ tại hình ảnh hai bố mẹ côi thuộc diện I.I. cứ ám ảnh tôi. Gia đình chúng đã đến Hồng Kông lánh đầu, còn đủ bố mẹ. Vì tàu của chúng không được chấp nhận, trở ra biển lần thứ hai nên sống mới cườn cha mẹ chúng đi.

6/12/86. Sáng nay nói chuyện với đài BBC xong, thầy và tôi đến nhà giáo sư Fok ăn cơm trước khi ra phi trường đi Đài Bắc. Có mặt thầy Saddhaloka, chị Huệ Lan, anh Lâm Thế Quang, chị Nhung, chị Kim Cúc và các cháu. Thầy chơi với các cháu được một lát thì đã đến giờ ra phi trường. Tôi nghĩ sẽ mở cuộc họp báo khi tới Đài Bắc nhưng thầy lắc đầu: " Đài Bắc đang tổng tuyển cử bầu Quốc Hội. Chắc không ai nghe mình than thở đâu."



*Trại Bowring, trại chăm dành cho người tị nạn*

*độc thân. Tên Hán Việt của trại là Đôn Môn Chăm Bê Trung Tâm. Tổ chức xã hội giúp đỡ ở đây là hội Save the Children nên không có màu sắc tôn giáo, không kỹ thị tôn giáo. Phật tử có một Phật đường để tu học riêng, đó là một căn lầu tiệp chế hình vòng cung ngồi được khoảng 100 người. Không khí ở đây ấm cúng và thanh tịnh nên thấy dạy được rất nhiều. Đồng bào rất chăm chú. Buổi chiều thiên trà rất vui. Làm việc cho*

**ĐỂ GIÚP ĐỠ ĐỒNG BÀO TRONG CÁC TRẠI CĂM HONGKONG**

*Thầy đang để tâm tìm một đại đức hay một Sư Cô tự nguyện về cư trú một năm tại Hongkong để lo cho đồng bào trong các trại căm. Thầy có thể vận động giấy phép để vì đó có thể vào ra các trại, hướng dẫn các khóa lễ, dạy Phật pháp và thiên tập, thiết lập liên lạc giữa*

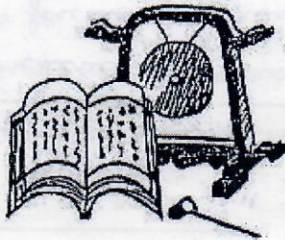


người tị nạn và các tổ chức Phật Giáo ở hải ngoại. Kinh phí cử trú và di chuyển cũng sẽ được bảo đảm. Nếu vị đại đức nói được tiếng Anh và chút ít tiếng Hoa thì công việc sẽ dễ dàng. Đại đức hoặc ni sư nào phát tâm đi hành đạo tại đạo tràng lớn này xin liên lạc với thầy về Làng Hồng.

Các bạn Phật tử trong khi chờ đợi, nếu muốn giúp đỡ đồng bào thì xin ủng hộ đại đức Saddhaloka (gửi kinh sách) và chị Huệ Lan. Hai người này đang thường xuyên lui tới để giúp đỡ người tị nạn. Đại đức Saddhaloka người Đức, nói tiếng Anh và tiếng Hoa giỏi nhưng phương pháp hành trì và ngôn ngữ hơi xa lạ với đồng bào. Chị Huệ Lan là Chủ tịch Phân Khu Hội Phật Giáo Hữu Nghi (World Fellowship of Buddhists) của Hương Cảng và Ma Cao. Chị rất cố lòng; có bao nhiêu tiền túi chị bỏ ra hết để giúp người tị nạn. Thủ từ và tiền bạc cho người tị nạn tại Hongkong xin gửi cho chị và để tên:

Leung Wai Lan (tức Lương Huệ Lan)  
3A Castle Road, Upper G/F Mid-Levels.  
Hongkong Tel. 5 94161

hoặc gửi chị Chơn Không Làng Hồng nhờ chuyển lại. Gửi chị Chơn Không xin đến EGLISE BOUDDHIQUE UNIFIÉE và ghi rõ trong thư: cho người tị nạn.



HAI BUỔI GIẢNG VÀ MỘT NGÀY CHÁNH NIỆM Ở ĐÀI BẮC. Đầu tiên Thượng Tọa Tinh Hạnh đã yêu cầu thầy cho Sinh viên Đại Học Sư Phạm Phật Giáo Trung Quốc (mà thượng tọa là Viện Trưởng) được hướng một thời pháp. Sau đó những sinh viên này cứ theo năn ni thầy cho thêm một khóa tu hay ít nhất cũng một ngày chánh niệm. Thầy họ cảm cui dịch mấy bài kệ của thầy từ tiếng Việt ra tiếng Tàu, tôi hỏi cảm động nhớ lại khi xưa mình học đạo Phật toàn là kinh kệ chữ Tàu thật là khó hiểu. Nay vừa mừng có được thi kệ bằng tiếng Việt Nam thì mấy người Trung Hoa này lại dịch ra tiếng Tàu. Một anh thiện sinh Trung Hoa thích thiên trà qua, đã đứng lên phát biểu: "Tôi chắc đây là lần đầu tiên, Trung Quốc có thiên trà!" Thầy cười bảo: "Đầu phải, thiên trà có mặt ở Trung Quốc từ ngàn xưa chứ, nhưng người có thức tập tĩnh thức thì mỗi lần cầm đèn vật gì cũ mấy, vật đó lại mới tinh. Câu này là của thiên sư Trúc Lâm của Việt Nam nói hồi đầu thế kỷ 14 đó".

Thầy không khí hừng khởi quá, Thượng Tọa Tinh Hạnh đề nghị thầy Nhật Hạnh cho thêm một thời pháp cho dân Đài Bắc nghe. Thầy NH đồng ý. Thế là quyết định trong vòng một đêm, ban điều hành Đại Học Sư Phạm chọn đề tài: "Cái gì quý giá nhất mà con người của thế kỷ hai mươi đang tìm". Ông Cụ hoan hỉ. Thế là ba tờ báo lớn nhất Đài Bắc loan tin và chiêu lại, giảng đường chật ních người. Đó là đêm cuối cùng của thầy tại Đài Bắc. Buổi giảng rất thành công. Trước giờ thầy lên phi cơ, có một

thiện sinh Trung Hoa thương thầy quá mà không nói được tiếng Anh để thổ lộ với thầy. Anh vào phòng thầy nói liú lo những gì thầy chẳng hiểu chi cả. Sau đó, khi có người ra thông dịch, thầy Nhật Hạnh mới biết là anh ấy muốn cảm ơn thầy đã tặng cho anh một món quà thật lớn: đó là biết nở nụ cười an lạc trong những khi phiền muộn và nham nháng buồng xả. Nụ cười ấy - anh nói - anh sẽ nhớ hoài, giữ hoài.

## HAI KHOÁ TU TẠI THỤY SĨ

Chùa Linh Phong ở Lausanne đã tổ chức một khóa tu năm ngày cho 57 thiện sinh Việt Nam từ 27.12.1986 đến 1.01.1987. Khóa tu được tổ chức tại một trường trung học Công giáo ở Broc, gần thành phố Bulle, cảnh trí rất đẹp. Bốn bên là những ngọn núi tuyết phủ trắng tinh. Đường thiên hành đi qua một rừng thông cao vút. Trong số các thiện sinh tham dự có một ni sư, 1 sư cô và hai sa di ni cũng hơn mười thiện sinh từ Tây Đức.

Trong khóa này, thiện sinh tập thiền tọa ba lần một ngày, thiền hành chung ngoài trời một giờ và các bữa ăn đều diễn ra trong chánh niệm. Đây là một khóa tu có chiều sâu và các bài pháp thoại của thầy đều được ghi vào băng hình.

Phật tử Việt Nam ở Thụy Sĩ đã đồng ý sẽ tổ chức đều đều những ngày quan niệm và những khóa tu cuối tuần với sự yểm trợ của Sư Cô Tri Hạnh, chùa Linh Phong và Gia Đình Phật tử Linh Phong. Thiện sinh từ Tây Bá Linh cũng hứa cố gắng tổ chức ngày chánh niệm mỗi tháng.

Sau khi mãn khóa, Phật tử và Việt kiều tại Lausanne đã mời thầy diễn thuyết tại trường Đại Học Công Giáo Lausanne về đề tài Tương Lai Văn Hóa Việt Nam cuong bao. Các bạn Công Giáooen tham dự rất đông và tinh thần cởi mở của buổi nói chuyện đã thắt chặt thêm mối đồng tâm giữa những người Việt không cùng một tôn giáo. Hôm ấy mặc dù trời tuyết giá, rất nhiều người đã mặc áo dài Việt Nam, có lẽ vì ai cũng ý thức rằng đây là một buổi giảng về Văn Hóa Việt Nam.

Tiếp theo khóa tu cho người Việt là một khóa tu dành cho thiện sinh Thụy Sĩ tại tu viện Notre Dame de Fatima ở Orsonnens, gần Fribourg. Có cả những thiện sinh từ Pháp, Tây Đức và Hòa Lan qua tham dự. Chị Chấn Như (Christine Barfuss), anh Chấn Đạo (Jean Pierre Maradan) và chị Như Liên là những người chủ chốt trong ban tổ chức. Khóa thiền này kéo dài sáu ngày từ 5.01.1987 đến 11.01.87. Ban tổ chức và các thiện sinh đều cho biết là khóa này có ảnh hưởng rất sâu đậm trên nội tâm mọi người. Lễ thọ giới Tiếp Hiện của anh Jean Pierre Maradan và chị Christine Barfuss được tổ chức vào rạng ngày 11.01.1987. Có rất đông thiếu nhi tham dự. Đây là khóa thiền đầu tiên ở Thụy Sĩ có nhiều thiếu nhi Thụy Sĩ tham dự. Nhiều em đã tỏ ra xuất sắc và yêu mến thiền tập mặc dù trước đó ba mẹ các em đã tỏ ý nghi ngờ rằng các em sẽ không theo được. Thiếu nhi đã được giao phó chủ tọa thiền trà và trình diễn thơ, nhạc, kịch. Với Tâm Kinh Bát Nhã đã được các em Thụy Sĩ trình diễn rất tự nhiên. Một bài Ba Sư Quay Về Nương Tựa bằng tiếng Pháp đã được Jean Pierre Maradan (Chấn Đạo), Giáo Sư Âm Nhạc tại Viện Âm Nhạc Fribourg sáng tác và dạy cho thiếu nhi hát.

Thầy cho biết trong số các bài thi kệ trình kiến giải có nhiều bài rất khá.





Thích Nữ Diệu Ngọc

Montréal 3 tháng 9, 1986

Kính thưa thầy. Tôi hôm qua con có được gặp anh Cao Thái ở nhà anh chị Toàn. Anh chị Toàn mời anh Thái và các anh chị em đến để thiền trà và để nghe anh Cao Thái hát. Anh Thái đã dạy chúng con bài Ba Sự Quay Về Nương Tựa của thầy mỗi lần. Con rất thích bài này và nghĩ rằng một bài hát như vậy thật là khỏe cơ và khỏe lý, nhất là đối với thiếu nhi. Anh Thái cũng nói rằng tuần lễ sau này chúng con rồi Lăng Hồng thị thiền sinh Tây Phương về làng rất đông. Con lo lắng không biết có nhiều anh chị nào phụ với thầy ở Xóm Thượng không. Ở bên này chúng con vẫn đi thiền chung với các Phật tử, mỗi chiều thứ sáu tại chùa Quan Âm và mỗi chiều chủ nhật tại chùa Liên Hoa. Thứ sáu này Phật tử của hai chùa sẽ họp nhau lại để tụng giới Tiếp Hiện tại chùa Quan Âm. Tháng tới sẽ tụng giới tại chùa Liên Hoa. Hai tuần tới chúng con sẽ tụng giới tiếng Pháp với các bạn Canadiens vẫn đến ngồi thiền chung với chúng con tại chùa Quan Âm. Chúng con đã đi xem nhiều miếng đất nhưng chưa tìm ra miếng đất nào ưng ý.

Hồi sang Paris, những lúc bị kẹt xe ở Périphérique con đã tìm kiếm các băng Je me souviens và STOP nhưng nào có thấy. Con đã chọn các đèn đỏ sau xe để thay thế tiếng chuông chánh niệm. Thấy các ngọn đèn thay phiên nhấp, như nhắc nhở và đưa giốn với tâm bốn chơn của mình. Con đã tìm ra được một đức Phật có một ngàn con mắt, rất là vui khi được Phật nhấp mắt. Và cũng hơi buồn khi đường chạy xuống sê, vì lâu lâu mới được Phật nhấp mắt một lần. Thưa thầy con thấy kẹt xe như ở Paris... tu tập hiệu quả lắm. Về Montréal con có làm mấy câu kệ như sau:

## KỆ KẾT XE

Mắt Bụt sáng lên rồi  
Tâm ý hiện màu tươi  
Cho chánh niệm rạng rỡ  
Tôi cười, đèn cũng cười.

Thầy đã đặt cho con pháp danh là Tâm Tạng. Con mong có một ngày thầy thấy được tâm con nở hoa y như mùa xuân thầy được ngắm hoa thủy tiên ở Pháp Thân Tạng.

Kính thư,

Chân Cơ Trịnh Đình Tân



## BABY TRI CHUNG

Em là người trí chung Xóm Hạ. Ngay từ buổi đầu về Xóm, tôi đã chú ý tới em. Em quá bé so với trách vụ được giao phó. Mỗi lần thỉnh chuông, em đều nhỏ đứng yên trước chuông để mặc niệm một cách thành kính và nghiêm trang. Những tiếng chuông em thỉnh nghe thanh thoát, vững vàng và đầm ấm.

Em chỉ mới 15 tuổi, lứa tuổi chập chững bước vào thế giới người lớn. So với bé Vi, bé Liên, bé Quỳnh của xóm, em đã quá lớn, nhưng em chưa thực sự bước vào ngưỡng cửa trưởng thành. Thầy thường giảng pháp thoại cho thiếu nhi trước và cho người lớn sau. Tôi thấy em ngồi nghe cả hai thời với dáng điệu nghiêm túc. Có khi pháp thoại cho người lớn hơi khó hiểu nhưng em vẫn chăm chú ngồi tới cuối giờ.

Tôi đã có dịp ngồi cạnh em trong hai buổi tọa thiền. Những gì thầy dạy về phép thiền tọa, em đã chấp hành theo nghiêm chỉnh. Bước vào thiền đường, em đi chậm chậm: đến chỗ ngồi, em thăm dò kỹ trước khi ngồi xuống một cách khoan thai. Khi nghe chuông chấm dứt giờ tọa thiền em không hấp tấp xả thiền. Em đợi vài chục giây sau mới thong thả chấp tay xá và mở chân ra.

Tên em là Thanh Trang. Ở em, tôi thấy tất cả bài dạy của thầy. Tôi cũng thấy được sự an lạc nơi cử chỉ và lời nói của em. Em là đứa con ngoan của Lăng Hồng và cũng là một trong những cháu đệ tử cưng của thầy vì em đã vâng theo lời dạy của thầy một cách trung thực và thông minh. "Baby Tri Chung" xóm Hạ thật là đặc biệt đáng thương.

## BÉ TI

Bé Ti mới 5 tuổi. Mái tóc ngắn ôm lấy khuôn mặt tròn. Đôi má phính luôn ửng hồng. Bé có vẻ khỏe mạnh nhờ nước da ngâm ngâm.

Bé Ti rất lễ phép. Ngay ngày đầu tiên gặp tôi trong xóm, bé đã đứng lại chấp tay xá. Tôi đáp lễ cảm ơn và hỏi tên em. Em trả lời lễ phép và rõ ràng. Khi nói pháp thoại, Sư Ông hay gọi các thiếu nhi lên ngồi cạnh Sư Ông. Khi được Sư Ông gọi lên, bé lên ngồi thẳng và ngay ngắn. Sư Ông thường chỉ bé để làm gương cho các em khác như cu Tèo, cu Tôn v.v.. Đôi lúc vì mệt mỏi một tí nên bé ngồi dựa ngửa hay co chân lên ghe. Sư Ông dịu dàng nhắc "Ngồi lại cho đẹp đi con". Bé ngoan ngoan ngồi đàng hoàng ngay lại.

Bé rất dạn dĩ. Trong các buổi văn nghệ thiếu nhi, khi được yêu cầu hát, bé sẵn sàng đáp ứng. Bé không bao giờ lúng túng. Bé cất tiếng hát, rõ ràng và trong suốt. Khi được yêu cầu hát tiếp, bé mỉm cười hát tiếp. Nếu quên mất một đoạn, bé chỉ mỉm cười từ bỏ. Bé không bao giờ lúng túng hoặc sợ hãi trong bất cứ trường hợp nào. Đó là đặc điểm của bé. Nếu được yêu cầu hát tiếp, bé sẽ tiếp tục hát, dù thuộc bài hay không thuộc



bài. Có lẽ bé nghĩ rằng bé đã có Mẹ "yến trợ" dưới hàng khăn giá nên bé "cố" sợ chi.

Có một bữa trưa, khi sư ông đang nói pháp thoại, bé muốn xin đi ra ngoài. Bé đứng lên, xá một xá, chầm rãi đi từng bước một, theo hơi thở như một người lớn. Cả đại chúng im lặng, theo dõi bước em đi. Thiếu nhi Làng Hồng để thương và lễ phép chi lạ.

### CHUÔNG BỒ

Tôi đang đứng ngắm các dãy nhà Xóm Thượng. Nào thiên đường, Phật đường, các dãy phòng Miá Lau, Rau Má, Hoà Soan, Hoà Ngâu, Hoà Tín, Tre Vàng, Tráng Non, Rạng Đông, Tre La Ngã... Khóm trúc xinh xinh đang la ngọn trong làn gió nhẹ hiu hiu. Cảnh đó, đám hoa vạn thọ rang rỡ trong ánh nắng ban mai. Những con đường thiên hành thanh tịnh, êm êm.

Nhữn khung cảnh nói xóm Thượng có ai biết được rằng trước đây, nơi này chỉ là một trai chấn bỏ không hơn không kém. Theo lời các bạn kể lại, ngày trước, Thiên đường, Phật đường và các dãy phòng đều là chuồng bò cạp. Phân bò dầy đặc như xi măng và trét vào tường đá nên phải dùng vòi rồng xịt nước mới có thể lau chùi được chúng. Tường đá loang lổ, mái nhà dột nát, có nơi sụp đổ vì không chịu nổi gió mùa. Bên ngoài các con đường thiên hành ngày xưa vô số mảnh chai, dây kẽm gai lẫn lộn với vỏ đạn và đá sỏi.

Một trai chấn bỏ đã được biến thành một làng tu học. Nơi ruộng núi hoang sơ đã được biến thành một đạo tràng thanh tịnh.

Tôi vẫn đứng yên lặng nhìn xóm Thượng rang rỡ dưới ánh nắng hè. Đồng suy tư tôi liên tục. Bao nhiêu công khó, bấy nhiêu đạo tình. Lòng tôi dâng lên một niềm xúc động khó tả. Trong cuộc đời này, nơi đâu cũng có những người con Phật đang âm thầm dần thân phục vụ đạo pháp không hề biết mỏi mệt.

### CHIẾC ÁO NĂM THÂN

Thứ ba tuần trước, nhân ngày "lâm biếng", Sư Ông nhờ tôi kết hồ vải nút áo hũ. Nhân dịp này, tôi có dịp ngắm chiếc áo Sư Ông. Có lẽ chiếc áo được trên mười tuổi rồi. Áo màu lam nhưng đã ngả màu trắng. Cổ áo đã sờn và những sợi chỉ vải bung ra quanh cổ. Lại áo ở thân và ở tay cũng bị sờn. Theo thời gian, chỉ may đã mục nên có những đường chỉ may bị đứt quãng. Có lẽ Sư Ông đã xử dụng máy đánh chữ hay máy in khi mặc áo nên áo lắm tầm mực đen ở nhiều nơi, nhất là ở tay áo. Lần trong đám mực đen, tôi còn thấy lốm đốm những điểm màu vàng như màu nước trà.

Nổi bật nhất là hàng nút áo. Chỉ có độ sáu bảy chiếc nút ở trước ngực nhưng đã được kết bằng ba màu chỉ khác nhau: đen, trắng và nâu. Màu của chỉ kết nút lộ cả ra ngoài, chúng tỏ người đơm nút không rảnh việc vá may. Nút áo không đều nhau, cái to cái nhỏ. Có khi cùng một bộ nút mà mặt trên to và mặt dưới nhỏ nên hai mặt âm dương của nút không dính chặt vào nhau. Sư Ông không có nhiều áo quần. Hình như Sư Ông chỉ có ba cái áo năm thân màu lam và cái nào cũng đều như vậy cả. Tôi đã kết lại tất cả nút mới trên áo nhưng sau khi làm xong tôi lại thấy những chiếc nút mới không hợp với áo. Chúng hơi trở trên trên chiếc áo phai màu. Thúc khó tìm được chiếc áo giống như áo Sư Ông ở mảnh đất Âu Châu này và tôi nghĩ rằng tôi có duyên lành lắm mới được dịp đơm những chiếc nút trên cái

áo ấy.

### CỬA SỞ

Sư Ông Làng Hồng trông còn rắn rỏi lắm. Sư Ông chỉ mới có mười sợi tóc bạc. Nụ cười Sư Ông dịu dàng. Lời nói Sư Ông hiền hòa và đầm ấm nhưng đặc biệt hơn cả là đôi mắt Sư Ông, vừa là đèn trí tuệ vừa chứa đựng từ bi.

Đôi mắt Sư Ông sáng ngời như ánh sao và tỏa rực ý chí lẫn nghị lực nội tâm. Đôi mắt ấy có vẻ nghiêm nghị nhưng lại đậm nét bao dung. Khó có ai có thể nhìn đôi trước đôi mắt Sư Ông. Tôi nghĩ rằng, nếu tôi có lỗi, dưới đôi mắt Sư Ông, tôi không còn cách nào hơn là thú tội với người để rồi sau đó sẽ được tắm trong ánh mắt bao dung của người. Đôi lúc, tôi còn thấy trong đôi mắt một bài thuyết pháp không lời. Chúng ta còn thấy trong đôi mắt Sư Ông cái nhìn dịu như dòng suối, có thể làm với đi rất nhiều những phiền não trong lòng bạn khi bạn có cảm ưu buồn.

Mỗi bạn hãy cùng tôi nhìn và nghe Sư Ông kể chuyện cổ tích cho thiếu nhi. Đôi mắt thật sáng và thật vui, dịu dàng giải thích những tư tưởng sâu sắc nhất bằng những lời thật đơn sơ và dễ hiểu cho những trí óc thơ ngây ấy. Các em đã trực nhận một cách thâm sâu những lời giảng đơn giản nhưng thấm tình quê hương và trong những tâm hồn trẻ thơ của các em đã nảy sinh niềm tin yêu nơi nền văn hóa của dân tộc em. Cái nhìn của Sư Ông đã xoay ngược được chiều nhận thức của nhiều người đang tỉnh chuyên hơn thua được mắt trong cuộc đời. Rất nhiều thiên sinh đã tâm sự với tôi như thế, ngay cả khá đông những thiên sinh ngoại quốc. Họ đã kể cho tôi nghe rằng chính đôi mắt và lời dạy của Sư Ông đã chuyên hóa cuộc đời họ. Nếu đôi mắt là "cửa sổ của tâm hồn" thì đôi mắt Sư Ông là cánh cửa sổ mở ra một tâm hồn chan hòa tình dân tộc và đậm đà tình yêu thương và sự hiểu biết.



Lá thư Làng Hồng này tôi tay bạn thì Năm Mới cũng đã đến gần bên ngõ. Mọi người ở Làng kính chúc bạn một năm mới Đinh Mão thật nhiều niềm vui và thương yêu. Thầy dạy là mỗi gia đình nên tổ chức Lễ Tụng Giới cho Thiếu Nhi và Tiếp Hiện cho người lớn mỗi tháng ít nhất là một lần. Tụng, đọc và hành trì giới luật là phương pháp hữu hiệu nhất để đời trị phiền não và làm phát sinh an lạc.

Năm nay vì tuyết chặn đường, dân làng không ra khỏi làng được để mua nếp, đậu và lá để làm bánh chưng được.

Xin gửi đến các bạn hai chữ NIÊM HOA và VI TIÊU để dán lên tường năm mới. Niêm Hoa 拈花 là cầm cành hoa lên, và Vi Tiêu 微笑 là mỉm cười. Đây là một thành ngữ rất phổ thông trong thiên học.

AN LẠC  
THANH TỊNH

